

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ Thành phố, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, UBND Thành phố xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nhằm thực hiện thành công Nghị quyết lần thứ XVII Đảng bộ Thành phố và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra; phân công cụ thể lãnh đạo phức trách, cơ quan, đơn vị chủ trì và tiến độ thực hiện; tăng cường kiểm tra, đôn đốc và nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Xây dựng, phát triển Thủ đô nhanh và bền vững theo hướng đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực; tạo bước chuyển căn bản sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa. Phát triển văn hóa và con người Hà Nội, phát huy truyền thống Thăng Long - Hà Nội, ngàn năm văn hiến và anh hùng; Thành phố vì hòa bình, Thành

phổ sáng tạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị, dân cư, trật tự xây dựng, an toàn giao thông, đảm bảo kỷ cương, văn minh đô thị. Thực hiện thí điểm tổ chức thành công mô hình chính quyền đô thị, củng cố chính quyền nông thôn. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô vững mạnh, toàn diện, ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng; xây dựng thể trận quốc phòng, an ninh nhân dân vững chắc. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và giao lưu Nhân dân; tăng cường phối hợp, hợp tác với các ban, bộ, ngành Trung ương và liên kết các địa phương; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập, tăng cường vị thế, uy tín và vai trò của Thủ đô trong khu vực và quốc tế.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025: 7,5-8,0%; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 3,1-3,2 triệu tỷ đồng; Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%; Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,0-7,5%; Tỷ lệ trường công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia: 80-85%; Số giường bệnh/vạn dân: 30-35; Số bác sỹ/vạn dân: 15; Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố; Tỷ lệ đô thị hóa: 60-62%; Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu: 100%. Diện tích nhà ở bình quân đạt 29,5 m² sàn /người. Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị đạt 90%. Tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội đạt 30%. Tỷ lệ hộ dân thành thị và nông thôn được cung cấp nước sạch: 100%. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý: 50-55%. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: 30-35%...

(Xem chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục 02; Chỉ tiêu cụ thể phát triển ngành, lĩnh vực tại Phụ lục 04).

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phục hồi, phát triển kinh tế; Phát triển đồng bộ các loại thị trường; Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển kinh tế số, xã hội số

1.1. Ưu tiên tập trung phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để ngăn chặn, đẩy lùi, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của Nhân dân là trên hết, trước hết. Nghiêm túc thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Y tế với tinh thần chủ động, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo trong phòng, chống dịch bệnh, hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống người dân. Thực hiện tiêm vắc-xin phòng Covid-19 theo chiến dịch tiêm chủng vắc-xin quốc gia và kế hoạch của Thành phố, phấn đấu đạt miễn dịch cộng đồng vào cuối năm 2021, đầu năm 2022. Xây dựng tiêu chí thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 làm căn cứ để các cấp, ngành điều hành chủ động, linh hoạt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp mình, ngành mình.

Be

1.2. Trước năm 2020, khi đại dịch Covid-19 chưa diễn ra, kinh tế Thủ đô duy trì tăng trưởng khá. GRDP giai đoạn 2016-2019 trung bình tăng 7,38%/năm - trong khung kế hoạch 5 năm 2016-2020 (từ 7,3-7,8%). Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, GRDP tăng 4,18%; trung bình 5 năm 2016-2020 tăng 6,73%/năm. Ngay đầu năm 2021, đại dịch Covid-19 bùng phát với biến chủng Delta nguy hiểm, lây lan rất nhanh. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề. GRDP quý I tăng 5,17%; quý II tăng 6,49%; quý III giảm sâu tới 7,02%; lũy kế 9 tháng GRDP tăng 1,28% - mức thấp nhất từ trước đến nay. Chỉ tiêu tăng trưởng năm 2021 (tăng 7,5%) dự báo không hoàn thành. Thành phố xây dựng kịch bản cơ sở GRDP quý IV tăng 5,25-7,37% và năm 2021 tăng từ 2,4-3,0%. Tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 được xây dựng như 02 kịch bản sau đây:

(1) GRDP tăng 7,5%:

Kịch bản cơ sở năm 2021 tăng trưởng từ 2,35-3,0%. Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố đề ra tăng trưởng từ 7,5-8,0%. Để hoàn thành mục tiêu tăng 7,5% trong 5 năm 2021-2025 (cận dưới của chỉ tiêu Đại hội) thì nhiệm vụ 4 năm còn lại từ 2022-2025, GRDP phải tăng bình quân từ **8,66-8,83%/năm**.

(2) GRDP tăng từ 6,5-7,0%:

Dịch bệnh Covid-19 dự báo vẫn diễn biến phức tạp, quý IV/2021 hoặc tới năm 2022 mới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh; Đến giữa năm hoặc cuối năm 2022 mới thực hiện tiêm vắc-xin đạt mức miễn dịch cộng đồng; Một số ca nhiễm vẫn diễn ra cục bộ những năm sau đó; Có thể xảy ra mất cân đối cung - cầu của một vài loại nguyên, nhiên, vật liệu cho sản xuất và xây dựng dẫn đến cản trở sự phục hồi của nền kinh tế; GRDP giai đoạn 2022-2025 tăng bình quân từ **7,39-8,20%/năm** và trung bình 5 năm 2021-2025 đạt 6,5-7,0% (*Chi tiết xem Phụ lục 03*).

1.3. Thành phố điều hành chủ động, linh hoạt các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo tiêu chí thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh trong điều kiện “*bình thường mới*”, phấn đấu tăng trưởng đạt mức cao nhất theo kịch bản (1). Căn cứ tình hình thực tế và từng địa bàn cụ thể trong việc kiểm soát dịch bệnh Covid-19 để lựa chọn ưu tiên, đảm bảo sức khỏe, tính mạng của người dân và an sinh xã hội. Lấy người dân là trung tâm, là chủ thể phòng, chống dịch bệnh Covid-19; Thành phố với vai trò, vị thế là Thủ đô gương mẫu, đi đầu trong các nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực lan tỏa cho vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

1.4. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường bất động sản, đất đai, khoa học và công nghệ; Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên theo cơ chế thị trường. Quản lý, kiểm soát hiệu quả giá đất và nhà ở, bảo đảm phát triển thị trường bất động sản lành mạnh. Phát triển kinh tế đô thị, các mô hình và loại hình kinh doanh mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn...); Khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đất đai, tài sản công, hạ tầng đô thị...

1.5. Cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng mức đóng góp của TFP trong GRDP lên trên 50%, tỷ trọng đóng góp

kinh tế số trong GRDP lên khoảng 30% vào năm 2025. Xây dựng hạ tầng số, hoàn thành số hóa toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về dân cư, đất đai, tài sản công... Phát triển mạnh kinh tế số, xã hội số, dịch vụ số. Nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh áp dụng nền tảng số vào sản xuất, kinh doanh; Tỷ lệ người dân có tài khoản thanh toán tại ngân hàng, ví điện tử; Tỷ lệ hộ dân được gán địa chỉ số, người dân có danh tính số; Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến;... Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị Thành phố.

1.6. Hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng, đẩy mạnh thu hút đầu tư, lấp đầy Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu công viên phần mềm tại huyện Đông Anh. Đầu tư xây dựng và đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu công nghiệp Quang Minh II, Khu công nghệ cao sinh học, Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn, Khu công nghiệp Đông Anh. Thành lập các cụm công nghiệp còn lại theo quy hoạch (*xem Phụ lục 06*). Thúc đẩy các doanh nghiệp trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trong các khu, cụm công nghiệp phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh khi đáp ứng tiêu chí thích ứng an toàn với đại dịch Covid-19.

1.7. Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng: Công viên văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí Kim Quy; Tổ hợp vui chơi giải trí đa năng - trường đua ngựa; Trung tâm triển lãm Quốc gia; Đầu tư 01-02 trung tâm mua sắm dành cho khách du lịch. Quy hoạch và xây dựng, phát triển huyện Ba Vì thành vùng du lịch trọng điểm của Thành phố. Hình thành một số cụm du lịch trọng điểm. Quảng bá mạnh mẽ hình ảnh Thủ đô Hà Nội an toàn, thân thiện nhằm khôi phục và phát triển ngành du lịch khi đáp ứng tiêu chí thích ứng an toàn với đại dịch Covid-19. Phát triển, mở rộng 03-05 khu vực thành không gian, tuyến phố đi bộ. Số hóa 100% điểm đến du lịch. Kêu gọi đầu tư 01 Tháp trung tâm tài chính trên trục Nhật Tân – Nội Bài. Hình thành 01 trung tâm bán buôn, mua sắm cấp vùng, 03 trung tâm logistics, 15 trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, 80 siêu thị và 107 chợ. Phát triển thương mại điện tử, các hình thức thanh toán trên nền tảng công nghệ hiện đại. Xây dựng Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái. Hoàn thành các cảng cạn: Cổ Bi, Đức Thượng và Trung tâm khai thác, vận chuyển khu vực phía Bắc Mê Linh.

1.8. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhân rộng các mô hình: Lúa chất lượng cao, hoa cây cảnh, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, kinh tế trang trại; các chuỗi sản xuất theo VietGAP, VietGHAP, GlobalGAP, HACCP, GMP. Giảm dần diện tích trồng lúa, tăng diện tích trồng rau, đậu, diện tích nuôi trồng thủy sản. Phần đầu năm 2025, tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 70%; sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo chuỗi liên kết trên 50%.

1.9. Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững. Siết chặt kỷ luật chi ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Xem xét lại phân cấp thu, chi ngân sách cho các quận, huyện, thị xã; hỗ trợ nguồn lực cho các huyện còn khó khăn và 05 huyện (Hoài Đức, Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Đan Phượng) được phê duyệt trở thành quận. Phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển

doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Đề án Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2019-2025 và Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025. Nhân rộng các mô hình kinh tế HTX hoạt động có hiệu quả. Phấn đấu hàng năm có thêm 70 HTX thành lập mới; nâng tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả lên trên 80,0% vào năm 2025.

1.10. Xã hội hóa đầu tư, huy động vốn trong và ngoài nước. Tái cơ cấu đầu tư công, bố trí vốn đầu tư công đúng định hướng. Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, giám sát đầu tư; rà soát, kiên quyết xử lý các dự án treo, các dự án chậm tiến độ. Thu hút đầu tư nước ngoài chủ động và có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số PCI, bãi bỏ các rào cản, tập trung vào việc nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, vốn đầu tư,...

2. Phát triển và quản lý đô thị theo hướng thông minh, xanh và bền vững

2.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch nhằm phát triển đô thị hiện đại, thông minh, bền vững, gắn với siết chặt kỷ luật kỷ cương, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý đô thị, trật tự xây dựng, văn minh đô thị. Xây dựng, trình phê duyệt Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Rà soát, tổng hợp quy hoạch, trình điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô. Hoàn thành các quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống, các đô thị vệ tinh; Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông. Lập các quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nông thôn theo hướng xanh, hiện đại. Quy hoạch xây dựng khu vực nông thôn gắn với phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống.

2.2. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng các công trình trọng điểm cấp bách đảm bảo an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông đã phê duyệt. Phát triển đồng bộ, hiện đại và mở rộng quy mô hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị. Phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải và bộ ngành liên quan hoàn thành 04 đô án quy hoạch ngành quốc gia; phối hợp với các Bộ ngành Trung ương hoàn thành Quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và điều chỉnh quy hoạch đô thị khu vực sân bay theo quy định. Hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm. Phát triển các tuyến đường có tính kết nối với các đô thị vệ tinh và kết nối nội vùng và liên vùng (xây dựng đường vành đai 4, vành đai 2,5, cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A, quốc lộ 6, tuyến đường kết nối đường cao tốc Pháp Vân – Cầu Giẽ với đường vành đai 3, tuyến đường cao tốc Đại lộ Thăng Long – đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội – Hòa Bình, các tuyến đường, cầu kết nối vùng...), gắn liền với việc thực hiện khoản 2, khoản 3, điều 9 Luật Thủ đô. Triển khai đầu tư xây dựng một số cầu vượt sông Hồng. Đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông trên cao, đường sắt đô thị, các công trình ngầm gắn với khả năng kết nối đồng bộ giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng. Khởi công 01 tuyến, đưa vào vận hành 02-03 tuyến đường sắt đô thị. Phát triển mạng lưới giao thông tỉnh. Nâng tỷ lệ quỹ đất cho giao thông đô thị khoảng 12-15% diện tích đất đô thị. Xây dựng chương trình đột phá về phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng khung kiến trúc cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh. Xây dựng nền tảng

về hạ tầng kinh tế - xã hội, rà soát tiêu chí đô thị theo hướng phát triển 03 huyện Đông Anh, Sóc Sơn, Mê Linh thành quận gắn với lợi thế của Cảng hàng không Nội Bài. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng một số huyện tiếp tục phát triển lên quận trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Đầu tư mở rộng khu vực đô thị, xây dựng một số đô thị vệ tinh và đô thị thông minh gắn với quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, kỷ cương và văn minh đô thị. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025. Phân đấu diện tích nhà ở đạt 29,5 m² sàn/ người vào năm 2025. Chuẩn bị đầu tư 05 khu nhà ở xã hội tập trung, 02 dự án nhà ở công nhân. Sử dụng tiền thu được từ giá trị quỹ đất 20%, 25% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Phân đấu xây dựng khoảng 1,25 triệu m² sàn nhà ở, tương đương khoảng 25 nghìn căn hộ nhà ở xã hội. Bố trí ngân sách để mua lại một số quỹ nhà ở thương mại phục vụ tái định cư theo cơ chế đặt hàng và hoàn trả chi phí xây dựng tại một số dự án nhà ở thương mại có quỹ nhà tái định cư phải bàn giao cho Thành phố; đầu tư xây dựng mới một số dự án nhà tái định cư. Tập trung huy động nguồn lực xây dựng lại các khu chung cư cũ có nhà nguy hiểm cấp D trên địa bàn Thành phố và một số khu chung cư được lựa chọn triển khai ban đầu có tính khả thi. Xây dựng khoảng 19,69 triệu m² sàn nhà ở thương mại. Triển khai đầu tư xây dựng 2-3 khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh. Thực hiện cải tạo, nâng cấp 45 công viên, vườn hoa hiện có; Đầu tư xây dựng mới 05 công viên, vườn hoa. Trồng mới 3,5 triệu cây xanh, trong đó 500 nghìn cây xanh đô thị, phân đấu nâng diện tích xanh đạt 7,8-8,1m²/người vào năm 2025. Đầu tư thay thế đèn LED hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cảnh quan, mỹ thuật; hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố trong khu vực khu phố cũ. Chính trang hè, đường tại 180 tuyến phố trên địa bàn 12 quận. Bổ sung, lắp đặt hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý trật tự đô thị, an toàn giao thông. Tiếp tục đầu tư phát triển mạng cấp nước và một số nhà máy sử dụng nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, nâng tổng công suất khai thác của các nhà máy nước đạt từ 1,8-2,0 triệu m³/ngày đêm.

3. Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp Thành phố, triển khai mạnh mẽ nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3.1. Huy động cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Hoàn thành chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới (xem Phụ lục 05); tiếp tục thực hiện hỗ trợ các huyện còn khó khăn về nguồn vốn để phân đấu hoàn thành chỉ tiêu được giao.

3.2. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn khu vực ven đô theo tiêu chí đô thị, các huyện được phê duyệt thành quận theo quy hoạch. Đầu tư xây dựng 20 tuyến đường giao thông hạ tầng khung tại các huyện thuộc đề án lên quận; thực hiện cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống tưới tiêu, thoát nước thải, cấp nước sạch, nâng cấp các chợ dân sinh, xây dựng chợ đầu mối, xây dựng các khu chăn nuôi, khu giết mổ tập trung và tách sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm khỏi khu dân cư.

3.3. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, gắn với thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với nông dân. Phân đấu đến năm 2025, thu nhập khu vực nông thôn

đạt 80 triệu đồng/người/năm trở lên. Tập trung giải quyết các vấn đề dân sinh, bức xúc, các vấn đề xã hội và an ninh ở nông thôn.

4. Phát triển văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

4.1. Tăng cường xây dựng văn hóa trong chính trị, văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu trong văn hóa ứng xử của người lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức. Nâng cao hiệu quả thực hiện 2 quy tắc ứng xử. Bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, của Thăng Long - Hà Nội.

4.2. Phát triển văn hóa đọc, xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin, truyền thông, mạng xã hội. Kiên trì giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức thượng tôn pháp luật của người dân Hà Nội, nhất là thế hệ trẻ.

4.3. Phát triển các trục không gian văn hoá dọc bờ Bắc và bờ Nam Sông Hồng, trục kết nối không gian thành cổ Hà Nội và trục Tây Hồ Tây - Hồ Tây - Cổ Loa nhằm tổ chức các không gian lễ hội văn hóa, các sự kiện văn hóa lớn của Thủ đô. Tăng cường đầu tư, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, di tích lịch sử từ thành phố đến cơ sở.

4.4. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa; khôi phục và thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, vui chơi giải trí khi đáp ứng tiêu chí thích ứng an toàn với đại dịch Covid-19. Hình thành Trung tâm văn hóa Tây Hồ Tây, xây dựng công viên Thăng Long gắn với các công trình biểu tượng văn hóa Thủ đô. Phân đấu có 03 di tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt, 08 di tích được xếp hạng và nâng cấp xếp hạng cấp Quốc gia. Thực hiện các nội dung mạng lưới các “Thành phố sáng tạo” theo tiêu chí, lộ trình đã cam kết với UNESCO. Hoàn thành dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới Hoàng Thành Thăng Long, Điện Kính Thiên, di tích Quốc gia đặc biệt Cổ Loa, Đền thờ Ngô Quyền.

5. Phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Đảm bảo chương trình giáo dục hàng năm và hoạt động của nhà trường theo tiêu chí thích ứng an toàn với đại dịch Covid-19. Giữ vững và nâng cao vị thế hàng đầu cả nước về giáo dục và đào tạo. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia; thực hiện chỉ tiêu công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia đúng hạn. Tập trung phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh. Đầu tư cơ sở vật chất trường lớp theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại. Xây dựng từ 3-5 trường liên cấp có diện tích từ 5 ha trở lên ở một số quận, huyện có điều kiện. Mở rộng mô hình hợp tác quốc tế, các mô hình đào tạo song bằng; duy trì tổ chức thường niên các cuộc thi học sinh giỏi cấp khu vực và quốc tế.

5.2. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp phổ thông. Tăng cường công tác xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, nhất là những ngành/ngành đang phát triển, những lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Phân đấu mỗi năm đào tạo nghề cho khoảng 230 nghìn lượt người.

6. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.1. Tập trung các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; Đa dạng hóa, hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ, mua bán, nhượng quyền sử dụng... Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đầu tư ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ; đặc biệt là công nghệ nguồn, công nghệ mới.

6.2. Xây dựng, phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Nội và quốc gia. Phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, công nghệ số trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển.

6.3. Vận hành, khai thác hiệu quả Trung tâm dữ liệu Thành phố; kết nối đồng bộ, liên thông các cơ sở dữ liệu về dân cư, cán bộ, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, năng lượng... Cơ bản hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử của Thành phố trước năm 2025, hướng tới hình thành Chính quyền số thành phố Hà Nội. Phấn đấu đạt 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

7. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô

7.1. Nâng cao năng lực hạ tầng y tế, chất lượng mạng lưới y tế dự phòng và chất lượng khám, chữa bệnh ở tất cả các tuyến. Thực hiện tốt công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; phát triển y tế phổ cập, mô hình bác sĩ gia đình, gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; phấn đấu khám sức khỏe định kỳ hằng năm 100% người dân Thành phố. Đầu tư xây mới và cải tạo, nâng cấp các bệnh viện của Thành phố để hoàn thành chỉ tiêu 30-35 giường bệnh/vận dân đến năm 2025. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào việc điều tra dịch tễ, nâng cao khả năng dự báo, giám sát, phát hiện dịch bệnh; Tăng cường hoạt động tư vấn khám, chữa bệnh từ xa và năng lực ứng phó, khống chế các dịch bệnh. Hoàn thành xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu về dân cư.

7.2. Nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo mức tăng dân số hợp lý và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Xây dựng và thực hiện Đề án tuyển chọn nhân lực thể thao thành tích cao, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao Thủ đô giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030.

7.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và hiện đại hóa hệ thống quản lý nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; tạo việc làm bền vững; tạo thu nhập tối thiểu. Mở rộng vững chắc diện bao phủ của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế toàn dân. Thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động; xây dựng mối quan hệ hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp. Duy trì các phiên giao dịch việc làm hàng ngày trên toàn bộ hệ thống

15 điểm sản giao dịch. Hỗ trợ người lao động trở lại sản xuất trong trạng thái “bình thường mới”. Đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách đối với người có công, người cao tuổi và chính sách bảo trợ xã hội; tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình giảm nghèo. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu

8.1. Giải quyết dứt điểm công tác giao đất dịch vụ, các vướng mắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hoàn thành và chuẩn hóa hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai và tài nguyên.

8.2. Nghiên cứu, quy hoạch phát triển không gian ngầm, phát huy hơn nữa hiệu quả sử dụng đất. Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị có khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu.

8.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng tài nguyên. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường. Khuyến khích mạnh mẽ các công nghệ mới trong thi công xây dựng, sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng xanh... Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm về môi trường, nhất là ở các làng nghề, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

8.4. Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn quy mô cấp huyện, liên huyện, nhà máy phân bón hữu cơ. Phối hợp với các tỉnh lân cận và bộ, ban, ngành Trung ương đầu tư xây dựng các khu liên hợp xử lý rác phục vụ liên tỉnh sử dụng công nghệ đốt rác phát điện hiện đại và thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh các dự án xử lý rác thải và nghĩa trang đô thị, phấn đấu tỷ lệ hòa táng đạt 73-75% vào năm 2025. Hoàn thành, đưa vào hoạt động nhà máy điện rác Sóc Sơn và khởi công Nhà máy điện rác Seraphin tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn trong năm 2021.

8.5. Đầu tư hoàn thiện Trung tâm điều hành và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động. Xây dựng quy trình khai thác và giám sát quá trình xử lý, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân. Rà soát các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sẵn sàng phương án khắc phục nếu có sự cố. Hoàn thành việc di dời các nhà máy, cơ sở sản xuất, một số trường đại học, cơ sở khám, chữa bệnh theo quy hoạch. Tích cực triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống hồ, ao. Hoàn thành dự án Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá và hệ thống thu gom nước thải, đưa nhà máy vào vận hành, khai thác trong năm 2023.

8.6. Đảm bảo thoát nước khu vực nội thành nhanh với trận mưa có cường độ dưới 100 mm/2 giờ (đối với hệ thống cống), dưới 310 mm/2 ngày (đối với toàn bộ hệ thống). Khởi thông dòng chảy các sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Tích... tích cực thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy.

8.7. Thực hiện có hiệu quả Đề án Quản lý và giảm thiểu các rủi ro có thể trở thành thảm họa đối với Thành phố, các hoạt động của đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản trị rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tích cực tuyên truyền, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn; kiểm chế số vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn.

9. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo

9.1. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo hướng thực chất, hiệu quả. Rà soát, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước từ Thành phố đến quận, huyện, xã, phường; rà soát, sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy cũng như hoạt động của người hoạt động không chuyên trách tại cấp xã và đặc biệt là tại các thôn, tổ dân phố; tiếp tục củng cố, sắp xếp, kiện toàn lực lượng trị an tại cơ sở (dân phòng, tự quản...).

9.2. Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, thu nhập, nhà ở, chính sách đãi ngộ hợp lý, đảm bảo cuộc sống cho cán bộ, công chức, viên chức. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy Nhà nước.

9.3. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao trách nhiệm người đứng đầu của đơn vị, địa phương, gắn với kiểm tra, giám sát trong thực thi công vụ. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, quản lý dân cư và hệ thống camera an ninh trên địa bàn Thành phố.

9.4. Nâng cao năng lực quản trị của các cấp chính quyền và cải thiện xếp hạng các chỉ số SIPAS, PAPI. Đến năm 2025, phần đầu chỉ số SIPAS đạt khoảng 90-95%; xếp hạng chỉ số PAPI trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt mức trung bình (nhóm 23/63 tỉnh, thành phố; tăng ít nhất 05 bậc/năm).

9.5. Siết chặt quản lý và sử dụng tài sản nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý quy hoạch, quản lý và sử dụng đất đai, phân bổ ngân sách, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ, trong thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...

10. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát hiện sớm, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Nâng cao hiệu quả hoạt động, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng. Tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, công chức; phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, củng cố niềm tin của Nhân dân.

11. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống

11.1. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ Thành phố ngày càng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; chú trọng tính lưỡng dụng của các công trình, vừa đảm bảo phục vụ dân sinh vừa đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh khi có tình huống xảy ra trong công tác quy hoạch và xây dựng. Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tăng cường các nguồn lực cho quốc phòng, đầu tư mua sắm trang bị kỹ thuật hiện đại cho lực lượng vũ trang. Tiếp tục xây dựng các công trình phòng thủ của Thành phố và các địa phương trong tình hình mới; hoàn thành có chất lượng diễn tập khu vực phòng thủ Thành phố, 30/30 quận, huyện, thị xã, 579 xã, phường, thị trấn và một số sở, ban ngành của Thành phố. Phấn đấu 100% chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn được đào tạo trung cấp chuyên ngành quân sự cơ sở trở lên. Hoàn thành 100% chỉ tiêu động viên, tuyển quân; huy động lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp đạt trên 80%.

11.2. Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên là giữ vững an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, tạo môi trường hòa bình, ổn định, an ninh và an toàn. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; phòng, chống các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật. Chú trọng, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm phi truyền thống, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm về môi trường... Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở nông thôn. Thực hiện chuyển hóa 100% địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự xã hội; 100% tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, trong đó, tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%; tỷ lệ điều tra, khám phá các loại tội phạm đạt trên 80%, các tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90% tổng số án khởi tố; nâng tỷ lệ thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng đạt 60% trở lên; đến năm 2025 triệt xóa trên 80% số “điểm nóng” về ma túy so với năm 2020.

12. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

12.1. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các ban, bộ, ngành Trung ương trong những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô, nhất là việc thực hiện Luật Thủ đô và các nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ.

12.2. Thực hiện tốt các nội dung hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội với các tỉnh, thành phố trong nước. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”, phát huy thế mạnh của từng địa phương để cùng hợp tác phát triển trong tất cả các lĩnh vực. Thực hiện tốt vai trò trung tâm kinh tế - tài chính - dịch vụ chất lượng cao của vùng KTTĐ Bắc Bộ, khu vực phía Bắc và cả nước. Tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các địa phương trong xây dựng và triển khai các nhiệm vụ phát triển Thủ đô.

12.3. Nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt những cơ hội, nhất là của các Hiệp định thương mại thế hệ mới; chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch. Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân; tăng cường tuyên truyền, thông tin đối ngoại, quảng bá, giới thiệu về Thủ đô với bạn bè quốc tế.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đảm bảo một số cân đối lớn:

1.1. Về thu, chi ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn khoảng 1.405 nghìn tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 1.300,6 nghìn tỷ đồng; Thu từ dầu thô 5,4 nghìn tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 99 nghìn tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương khoảng 613,7 nghìn tỷ đồng, trong đó đến năm 2025: Chi thường xuyên chiếm khoảng 50%; chi đầu tư phát triển khoảng 45-48%.

1.2. Vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cần huy động trên 3 triệu tỷ đồng, trong đó: Khu vực nhà nước chiếm khoảng 30%; Khu vực ngoài nhà nước chiếm khoảng 54%; Khu vực nước ngoài chiếm khoảng 16%. Đầu tư từ ngân sách Thành phố khoảng 299,2 nghìn tỷ đồng (48,75% tổng chi ngân sách địa phương).

1.3. Sử dụng đất: Cơ cấu sử dụng đất tiếp tục thay đổi theo hướng giảm diện tích đất nông nghiệp. Đến năm 2025, diện tích lúa cả năm còn khoảng 140 nghìn ha; chuyển đổi khoảng 25 nghìn ha diện tích lúa sang các hình thức sử dụng khác có hiệu quả hơn.

1.4. Tạo việc làm mới: Mỗi năm cần tạo ra khoảng 22 nghìn việc làm mới, đồng thời giới thiệu, giải quyết việc làm trung bình cho khoảng 160 nghìn người để đảm bảo tỷ lệ thất nghiệp dưới 3%. Dự kiến tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng lao động xã hội khoảng 10%.

1.5. Điện thương phẩm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt: Đến năm 2025, sản lượng điện thương phẩm khoảng 29,9 tỷ kWh, bình quân khoảng 3.300 kWh/người. Đảm bảo bán kính cấp điện tại khu vực đô thị không quá 250 mét, khu vực nông thôn, vùng núi không quá 600 mét; tỷ lệ các trạm biến áp cấp điện áp 110 kV vận hành không người trực, điều khiển từ xa đạt 100%. Giảm Chỉ số thời gian mất điện bình quân lưới điện trung áp còn dưới 150 phút.

2. Giải pháp chủ yếu

2.1. Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, đầy đủ trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận xã hội và thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch. Phát động và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, người lao động. Công khai, minh bạch các luật và văn bản quy phạm pháp luật, các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước và Thành phố về khuyến khích sản xuất, kinh doanh, xã hội hóa đầu tư, về quy hoạch, kế hoạch... Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, thị trường xuất, nhập khẩu; tích cực tháo gỡ khó khăn và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy tăng trưởng.

2.2. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách:

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội; các nguồn lực theo quy định của Luật Thủ đô Hà Nội.

- Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2011-2020, trên cơ sở đó đề xuất Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; đồng thời, nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô nhằm tạo thể chế thuận lợi để xây dựng, phát triển Thủ đô nhanh và bền vững.

- Xây dựng Quy định về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

- Khai thác triệt để, hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là khai thác hiệu quả nguồn lực từ tài sản công, từ đất đai; Tiếp tục rà soát các dự án treo, các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ để xử lý nghiêm và giao cho đơn vị khác có tiềm lực thực hiện; thủ tục đầu tư các dự án đã có cam kết đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện.

- Xây dựng Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách; sửa đổi, hoàn thiện Quy định về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội...

- Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư, khai thác, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa Thủ đô; tôn tạo, phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử. Tăng cường nguồn vốn ngân sách cho hoạt động văn hóa để thực hiện thành công các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình 06-CTr/TU ngày 17/03/2021 của Thành ủy. Tập trung đầu tư các di tích lịch sử: Hoàng thành Thăng Long, điện Kính Thiên, Cổ Loa, Đền thờ Ngô Quyền... và các công trình thiết chế văn hóa để hoàn thành cao nhất chỉ tiêu về văn hóa, xã hội và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, nhất là việc làm cho khu vực nông thôn; chuẩn bị nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng Cách mạng công nghiệp 4.0...

- Rà soát, xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với những doanh nghiệp khởi nghiệp, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số; đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành công nghiệp theo đúng định hướng, thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng nông nghiệp của Thủ đô. Nghiên cứu, ban hành cơ chế nhằm tích tụ, tập trung ruộng đất, cho thuê đất, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có đất để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung quy mô lớn...

- Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển, quản lý nhà ở, cải tạo và xây dựng lại các chung cư cũ; đề xuất giải pháp rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính

đối với các dự án cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ; cơ chế xử lý hiệu quả những vấn đề về nhà ở đô thị, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, xử lý chất thải và bảo đảm vệ sinh môi trường; quy trình khai thác và giám sát quá trình xử lý, cung cấp nguồn nước sạch cho người dân; cơ chế quản lý, giám sát minh bạch việc sử dụng các loại tài nguyên, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, khuyến khích áp dụng công nghệ mới trong thi công xây dựng, sử dụng vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng xanh; cơ chế, chính sách phát triển ngành giao thông vận tải, đồng bộ hạ tầng giao thông; thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, giảm ùn tắc giao thông; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh vận tải hành khách công cộng;...

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch bằng các chương trình, đề án, dự án và giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương (*Xem phụ lục 07 kèm theo*), tập trung đảm bảo các cân đối lớn, trong đó một số nội dung trọng tâm như sau: Kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024. Kế hoạch đầu tư công và Danh mục các công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025. Đề án khai thác nguồn lực từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố giai đoạn 2021-2025. Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vốn ngoài ngân sách nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch giai đoạn 2021-2025. Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Chương trình phát triển nhà ở 2021-2025, định hướng đến năm 2040...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Thành phố, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trực tiếp chỉ đạo xây dựng, ban hành Chương trình hành động của cơ quan, địa phương mình trong kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và cụ thể hóa thành các **nhiệm vụ hàng năm**, trong đó phải thể hiện bằng các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố trong **tháng 11 năm 2021**, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thành phố và của từng sở, ban, ngành và cơ quan, địa phương; Định kỳ hàng năm báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp; Đồng thời tổ chức đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong quá trình thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và kiến nghị UBND Thành phố các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này; Bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

4. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa UBND Thành phố với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội trong việc thực hiện Chương trình hành động này.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các sở, ban ngành, quận, huyện, thị xã làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các sở, ban ngành, quận, huyện, thị xã chủ động đề xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch, PCT UBND TP;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- UBMTTQ TP, LĐLĐ TP;
- VPUB: CVP, PCVP, p.TH, KT, TKBT, ĐT, KGVX;
- Lưu VT, KT.

11

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Ngọc Anh

Phụ lục 01: Kết quả thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020
(Kèm theo Chương trình số 277 /CTr-UBND ngày 05/12/2021 của UBND Thành phố)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011-2015	KH * 2016-2020	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	2016- 2019	TH 2020	TH 2016-2020	Ghi chú
1	Tăng trưởng GRDP	%	6,93	7,3-7,8	7.16	7.39	7.25	7.72	7.38	4.18	6.73	
	- Hoạt động ngành dịch vụ	%	7,12	7,0-7,5	6.86	7.19	7.27	7.91	7.31	3.83	6.60	
	- Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,23	6,5-6,9	6.97	5.90	5.40	4.69	5.74	1.61	4.90	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	8,74	9,0-9,3	8.73	9.59	8.62	9.66	9.15	6.48	8.61	
	+ Công nghiệp	%	10,06	8,6-9,0	6.99	8.60	8.04	8.35	7.99	5.19	7.44	
	+ Xây dựng	%	6,49	9,9-10,2	12.03	11.39	9.64	11.94	11.25	8.66	10.72	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,08	2,5-3,0	3.00	1.62	4.00	-0.09	2.12	4.54	2.60	
2	Cơ cấu ngành kinh tế	%	100	100	100	100	100	100		100	100	
	- Dịch vụ	%	64.98	63,8-64,2	64.71	64.45	63.97	63.87		63.06	63.06	
	- Thuế NK và thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11.69	7,6-7,8	11.76	11.68	11.61	11.27		11.02	11.02	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	20.79	26,0-26,5	21.04	21.70	22.27	22.85		23.68	23.68	
	+ Công nghiệp	%	-	-	14.43	14.78	15.13	15.44		15.82	15.82	
	+ Xây dựng	%	-	-	6.61	6.92	7.14	7.41		7.86	7.86	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2.54	1,8-2,4	2.49	2.17	2.15	2.01		2.24	2.24	
3	GRDP bình quân/người/năm	Triệu đồng (USD)	90,53	126-129 (5.600-5.730)	96.3	104.1	111,58 (4.853)	120,26 (5.187)		123,69 (5.325)	123,69 (5.325)	
4	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ.	1,054.3	1.700-1.750	278.88	305.20	339.43	379.37		413.51	1,716.4	
	Huy động vốn đầu tư xã hội/GRDP	%	-	-	38.2	37.9	38.4	39.0		40.5		
5	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	52,07	80.0	66.1	76.2	83.9	91.5		96.3	96.3	
	Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	%	-	-	-	-	-	-		66.7		
6	Chỉ tiêu về văn hóa											
	- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hoá	%	70,0	72.0	70.0	70.5	71.0	71.5		72.0	72.0	
	- Tỷ lệ làng, thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng, thôn, bản văn hoá	%	55,0	62.0	55.2	60.0	60.5	61.0		62.0	62.0	
	- Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	85,0	88.0	86.0	86.5	87.0	87.5		88.0	88.0	
7	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn QG	%	52,7	65-70	57.5	62.0	66.8	68.6		76.9	76.9	
8	Chỉ tiêu về y tế											
	- Số giường bệnh/vạn dân	gi.b./v.dân	21,1	26.5	21.4	23.3	24.5	26.8		27.1	27.1	
	- Số bác sỹ/vạn dân	b.sỹ/v.dân	12,7	13.5	13.1	13.1	13.3	13.4		13.5	13.5	
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn QG về y tế (chuẩn mới)	%	92,6	100	90.0	95.0	100	100		100	100	
9	Tỷ lệ lao động (đang làm việc) qua đào tạo	%	53,14	70-75	56.93	60.66	63.18	67.51		70.25	70.25	
10	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%	4,85	< 4,0	4.22	3.12	2.41	2.10		3.22	3.22	

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2011-2015	KH * 2016-2020	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	2016- 2019	TH 2020	TH 2016-2020	Ghi chú
11	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (chuẩn nghèo đa chiều mới)	%	3,64	< 1,2	2.37	1.69	1.16	0.42		0.21	0.21	
12	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	%										
	+ Khu vực đô thị	%	-	100	98.5	~100	~100	~100		~100	~100	
	+ Khu vực nông thôn	%	-	100	38.0	49.4	55.5	75.0		78.0	78	
13	Chỉ tiêu về môi trường											
	- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam											
	+ Khu vực đô thị	%	98	95-100	98.0	98.0	98.0	100		100	100	
	+ Khu vực nông thôn	%	87	90-95	87.0	88.0	88.0	100		~100	~100	
	Tỷ lệ KCN, KCX, CCN hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc quy chuẩn QG tương ứng											
	+ Đối với KCN, KCX	%	-	100	100	100	100	100		100	100	
	+ Đối với CCN xây mới	%	-	100	100	100	100	100		100	100	
	+ Đối với CCN đã đi vào hoạt động	%	-	100	51.2	55.8	60.5	60.5		92.5	92.5	
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	85	100	100	100	100	100		~100	~100	
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	100	100	100	100		100	100	
14	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	-	90.1	80.1	82.8	86.5	88.2		90.1	90.1	
15	Năng suất lao động xã hội tăng bq (cách tính mới)	%	-	5,44-5,87	6.26	6.68	5.62	6.07	6.16	4.33	5.79	
16	Tỷ lệ đô thị hóa	%	49,1	58-60	49.2	49.2	49.2	49.2		49.2	49.2	
17	Tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng	%	14,4		13.50	13.78	14.19	17.03		14.85	14.85	
	Trong đó: Đô thị trung tâm	%	-	30-35								
	Đô thị vệ tinh	%	-	15.0								
	Đường sắt đô thị	%	-	1-3								

Phụ lục 02: Chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025

(Kèm theo Chương trình số 237 /CTr-UBND ngày 05/12/2021 của UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
1	Tăng trưởng GRDP trung bình	%	6.73	7,5-8,0	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	Trong đó:				
-	Dịch vụ	%	6.60	8,0-8,5	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4.90	3,5-4,0	Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp - xây dựng	%	8.61	8,5-9,0	
	+ Công nghiệp	%	7.44	7,5-8,0	Sở Công Thương
	+ Xây dựng	%	10.72	10-10,5	Sở Xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2.60	2,5-3,0	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế năm cuối kỳ	%	100	100	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Dịch vụ	%	63.06	65,0-65,5	
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11.02	10,4-10,6	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	-	22,5-23,0	-
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	-	1,4-1,6	-
3	GRDP bình quân/người/năm năm cuối kỳ	Triệu đồng (USD)	123,69 (5.325)	192-196 (8.300-8.500) *	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ.	1,716.4	3.100-3.200	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm cuối kỳ	%	-	30,0	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Tốc độ tăng năng suất lao động trung bình	%	5.79	7,0-7,5	Cục Thống kê HN
7	Chỉ tiêu về văn hóa năm cuối kỳ				Sở Văn hóa và Thể thao
-	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa		72.0	75.0	
-	Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hoá	%	62.0	65.0	
-	Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	88.0	86-88	
8	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia năm cuối kỳ	%	76.9	80-85	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Chỉ tiêu về y tế năm cuối kỳ				Sở Y tế
-	Số giường bệnh/vạn dân	gi.b./v.dân	27.1	30-35	
-	Số bác sỹ/vạn dân	b.sỹ/v.dân	13.5	15	
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (chuẩn mới)	%	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm cuối kỳ	%	70.25	75-80	Sở Lao động TB&XH
	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ năm cuối kỳ	%	48.5	55-60	
11	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị năm cuối kỳ	%	3.22	< 3	Sở Lao động TB&XH
12	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (theo tiêu chuẩn của Thành phố)	%	0.21	Cơ bản không còn hộ nghèo	Sở Lao động TB&XH
13	Xây dựng nông thôn mới (NTM) năm cuối kỳ				Sở Nông nghiệp và PTNT
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	96.3	100	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao	%	-	40	
	- Tỷ lệ xã đạt NTM kiểu mẫu	%	-	20	
	- Hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM cấp Thành phố		-	Hoàn thành	
14	Phát triển đô thị				Sở Quy hoạch Kiến trúc
	- Tỷ lệ đô thị hóa năm cuối kỳ	%	49,2	60-62	
	- Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch phân khu đô thị năm cuối kỳ	%	83	100	
15	Diện tích nhà ở bình quân năm cuối kỳ	M2 sàn / người	27,25	29.5	Sở Xây dựng
16	Tỷ lệ nhà chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị	%	-	90	Sở Xây dựng
17	Tỷ lệ nhà ở cho thuê trong các dự án đầu tư xây dựng mới nhà ở xã hội	%	-	30	Sở Xây dựng
18	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch năm cuối kỳ				Sở Xây dựng
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị được cung cấp nước sạch	%	~100	100	
	- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch	%	78.0	100	
19	Tỷ lệ các chất thải và nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường năm cuối kỳ				
	- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	~100	100	Sở Xây dựng
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	100	Sở Tài nguyên và Môi trường
	- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Sở Y tế
	- Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải	%	-	100	Sở Công Thương
	- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	-	50-55	Sở Xây dựng
20	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng năm cuối kỳ	%	-	30-35	Sở Giao thông Vận tải

Phụ lục 03: Kịch bản tăng trưởng năm 2021 và nhiệm vụ còn lại 4 năm 2022-2025

(Kèm theo Chương trình số 277 /CTr-UBND ngày 05/12/2021 của UBND Thành phố)

I. Kịch bản tăng trưởng năm 2021

TT	Chỉ tiêu tăng trưởng	TH 2020	TH 9T 2021	Tăng trưởng quý IV		Tăng trưởng năm 2021	
				Phương án 1	Phương án 2	Phương án 1	Phương án 2
	GRDP, %	4.18	1.28	7.37	5.09	3.00	2.35
1	Dịch vụ	3.83	0.85	7.38	4.87	2.60	1.94
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	1.61	2.24	5.00	2.40	2.95	2.28
3	Công nghiệp, xây dựng	6.48	1.88	8.68	6.92	4.13	3.51
	+ Công nghiệp	5.19	4.32	7.90	6.91	5.49	5.11
	+ Xây dựng	8.66	-2.37	9.80	6.93	1.90	0.89
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4.54	3.00	2.83	2.38	2.95	2.83

Kịch bản cơ sở (điều hành): Dịch Covid-19 trên phạm vi cả nước cơ bản được kiểm soát trong tháng 10/2021; Tỷ lệ tiêm vắc xin đủ liều đạt trên 70% dân số trong tháng 11. Từ tháng 10/2021, Thành phố dần nới lỏng các biện pháp giãn cách và phong tỏa xã hội trên toàn Thành phố; GRDP quý IV tăng khoảng 5,09-7,37%, GRDP năm 2021 tăng khoảng 2,35-3,0%.

Kịch bản phần đầu: Dịch Covid-19 trên phạm vi cả nước cơ bản được kiểm soát trong tháng 10/2021; Tỷ lệ tiêm vắc xin đủ liều đạt trên 70% dân số ngay trong tháng 10 và Thành phố dỡ bỏ các biện pháp giãn cách và phong tỏa xã hội trên toàn Thành phố. GRDP quý IV tăng trên 7,37%, GRDP năm 2021 tăng trên 3,0%.

Kịch bản rủi ro: Dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp với những ca bệnh trên địa bàn, sang quý IV mới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh; Tỷ lệ tiêm vắc xin đủ liều đạt thấp. Các ngành dịch vụ vẫn chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 và phục hồi chậm; GRDP quý IV tăng thấp hơn 5,09%, cả năm 2021 tăng thấp hơn 2,35%.

II. Kịch bản tăng trưởng 5 năm 2021-2025 và nhiệm vụ còn lại năm 2022-2025

TT	Chỉ tiêu tăng trưởng	TH 2016-2020	Chỉ tiêu 2021-2025	Nhiệm vụ 2022 - 2025	Kịch bản
Kịch bản 1					
	GRDP	6.73	7.50	8.66 - 8.83	Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố đề ra mục tiêu tăng trưởng từ 7,5-8,0%. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid-19 đã bùng phát ngay trong đầu năm 2021, GRDP 9 tháng đầu năm 2021 chỉ tăng 1,28% - mức thấp kỷ lục từ trước tới nay; Với 02 kịch bản tăng trưởng năm 2021 từ 2,35-3,0% , để hoàn thành mục tiêu 5 năm 2021-2025 tăng 7,5% thì nhiệm vụ giai đoạn 2022-2025 GRDP phải tăng từ 8,66-8,83%/năm .
1	Dịch vụ	6.60	8.00	9.39 - 9.57	
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4.90	3.50	3.64 - 3.81	
3	Công nghiệp, xây dựng	8.61	8.50	9.62 - 9.78	
	+ Công nghiệp	7.44	7.50	8.01 - 8.11	
	+ Xây dựng	10.72	10.00	12.12 - 12.40	
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2.60	2.50	2.39 - 2.42	
Kịch bản 2					
	GRDP	6.73	7.00	8.02 - 8.20	Dịch Covid-19 trên phạm vi cả nước cơ bản được kiểm soát trong quý III/2021; Từ tháng 10/2021, các biện pháp giãn cách và phong tỏa xã hội trên toàn Thành phố dần được dỡ bỏ; Thực hiện tiêm vắc-xin rộng rãi, đạt được miễn dịch cộng đồng ngay trong năm 2021; Dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát sau đó; GRDP năm 2021 tăng từ 2,35-3,0% , giai đoạn 2022-2025 tăng từ 8,02-8,20%/năm và trung bình 5 năm 2021-2025 đạt 7,0% .
1	Dịch vụ	6.60	7.20	8.38 - 8.56	
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4.90	3.50	3.64 - 3.81	
3	Công nghiệp, xây dựng	8.61	8.50	9.61 - 9.76	
	+ Công nghiệp	7.44	7.50	8.03 - 8.11	
	+ Xây dựng	10.72	10.00	12.12 - 12.40	
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2.60	2.50	2.39 - 2.42	
Kịch bản 3					
	GRDP	6.73	6.50	7.39 - 7.56	Dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, hết quý III sang quý IV/2021 mới cơ bản kiểm soát được dịch bệnh; Đến giữa hoặc cuối năm 2022 mới thực hiện tiêm vắc-xin đạt mức miễn dịch cộng đồng; Một số ca nhiễm vẫn diễn ra cục bộ những năm sau đó, tuy không gay gắt nhưng nền kinh tế lại phải đối mặt với mất cân đối cung cầu của một số loại nguyên, nhiên, vật liệu cho sản xuất và xây dựng; GRDP năm 2021 tăng từ 2,35-3,0% , giai đoạn 2022-2025 tăng từ 7,39-7,56%/năm và trung bình 5 năm 2021-2025 đạt 6,5% .
1	Dịch vụ	6.60	6.40	7.37 - 7.55	
2	Thuế SP trừ trợ cấp SP	4.90	3.50	3.64 - 3.81	
3	Công nghiệp, xây dựng	8.61	8.50	9.61 - 9.76	
	+ Công nghiệp	7.44	7.50	8.03 - 8.11	
	+ Xây dựng	10.72	10.00	12.12 - 12.40	
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2.60	2.50	2.39 - 2.42	

Phụ lục 04: Chỉ tiêu cụ thể phát triển ngành, lĩnh vực 5 năm 2021-2025
(Kèm theo Chương trình số 277 /CTr-UBND ngày 05 /12/2021 của UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	Chỉ tiêu 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
I	Phát triển kinh tế					
1	GRDP (giá hiện hành) năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	672.9	1,020.0	1,739.2	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP năm cuối kỳ	%	100	100	100	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Dịch vụ	%	64.98	63.06	65,0-65,5	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11.69	11.02	10,4-10,6	Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp - xây dựng	%	20.79	23.68	22,5-23,0	
	+ Công nghiệp	%	14.37	15.82	-	Sở Công Thương
	<i>Trong đó, Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	<i>13.14</i>	<i>13.76</i>	<i>17.0</i>	<i>Sở Công Thương</i>
	+ Xây dựng	%	6.42	7.86	-	Sở Xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2.54	2.24	1,4-1,6	Sở Nông nghiệp và PTNT
3	GRDP (giá cố định) năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	497.5	689.1	989.2	Cục Thống kê HN
4	Tăng trưởng GRDP bình quân	%	6.93	6.73	7.50	Cục Thống kê HN
	<i>Trong đó:</i>					
-	Dịch vụ	%	7,12	6.60	8.0	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,23	4.90	3.5	Cục Thống kê HN
-	Công nghiệp - xây dựng	%	8,74	8.61	8.5	
	+ Công nghiệp	%	10.06	7.44	7.50	Sở Công Thương
	+ Xây dựng	%	6,49	10.72	10.00	Sở Xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3.08	2.60	2.5	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đồng	1,054.3	1,716.4	3,055.0	
	<i>Trong đó:</i>					
-	Khu vực nhà nước	1.000 tỷ đồng	458.0	636.1	920.0	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Khu vực ngoài nhà nước	1.000 tỷ đồng	483.9	891.5	1,645.0	
-	Khu vực đầu tư nước ngoài	1.000 tỷ đồng	112.4	188.8	490.0	
6	Tỷ trọng vốn đầu tư xã hội/GRDP	%	37.49	38.89	43.00	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Đầu tư nước ngoài	Tỷ USD	6.30	26.50	30-40	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	Chỉ tiêu 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
8	Thành lập doanh nghiệp	Doanh nghiệp	80,209	126,081	160,000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Hệ số ICOR năm cuối kỳ		3.32	4.95	4.25	Cục Thống kê HN
10	Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GRDP	%	-	46	50	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH HN; Cục Thống kê HN; Sở Kế hoạch và Đầu tư HN
11	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1.000 tỷ đồng	726.8	1,195.80	1,405.02	Sở Tài chính
	<i>Trong đó:</i>					
	Thu nội địa (kể cả cổ tức, lợi nhuận còn lại của DNNN)	1.000 tỷ đồng	623.1	1,092.91	1,300.59	
	+ Riêng thu tiền sử dụng đất và đấu giá đất	1.000 tỷ đồng	55.3	147.46	127.70	
	- Thu từ dầu thô	1.000 tỷ đồng	44.3	12.61	5.45	
	- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.000 tỷ đồng	59.4	90.29	98.98	
12	Chi ngân sách địa phương	1.000 tỷ đồng	280.1	380.38	613.7	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi đầu tư phát triển	1.000 tỷ đồng	132.0	165.00	299.2	
	- Chi thường xuyên	1.000 tỷ đồng	145.9	208.72	272.5	
	- Chi khác	1.000 tỷ đồng	2.3	6.6	42.0	
13	Sản lượng điện thương phẩm năm cuối kỳ	Tỷ kWh	12.87	21.81	29.90	Sở Công Thương
14	Điện thương phẩm bình quân năm cuối kỳ	kWh/người	1,730.8	2,645.1	3,294.7	Sở Công Thương
15	Tổng mức bán lẻ năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	377.4	584.7	940.0	Sở Công Thương
16	Kim ngạch xuất khẩu năm cuối kỳ	Triệu USD	10,475	15,159	19,423	Sở Công Thương
17	Kim ngạch nhập khẩu năm cuối kỳ	Triệu USD	25,713	29,029	37,017	Sở Công Thương
18	Khách du lịch năm cuối kỳ	Triệu lượt	19.69	8.65	30-35	Sở Du lịch
	<i>Trong đó:</i>					
	- Khách quốc tế	Triệu lượt	3.26	1.11	7-8	
	- Khách nội địa	Triệu lượt	16.43	7.54	23-27	Sở Du lịch
19	Tổng thu từ khách du lịch năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	54.97	28.02	130-151	
20	Công suất sử dụng phòng trung bình của cơ sở lưu trú, khách sạn năm cuối kỳ	%	57.84	29.9	65-70	Sở Du lịch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	Chỉ tiêu 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
21	Diện tích đất trồng lúa năm cuối kỳ	1.000 ha	111.40	101.05	-	Sở Tài nguyên và MT
22	Diện tích lúa cả năm năm cuối kỳ	1.000 ha	200.53	165.59	140.00	Sở Nông nghiệp và PTNT
23	Tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên tổng sản phẩm nông nghiệp năm cuối kỳ	%	-	32	70	Sở Nông nghiệp và PTNT
24	Tổng số HTX năm cuối kỳ	HTX	1,811	2,164	2,500	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Trong đó:</i>					
	- Đang hoạt động	HTX	1,587	1,802	2,220	
	- Hoạt động hiệu quả	HTX	857	1,175	1,780	
25	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo năm cuối kỳ	%	-	-	50	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Phát triển văn hóa, xã hội					
26	Dân số năm cuối kỳ	1.000 người	7,433.6	8,246.5	9,075.3	Cục Thống kê HN
27	Tuổi thọ trung bình năm cuối kỳ	Tuổi	75.2	75.5	76.5	Cục Thống kê HN
28	Số hộ dân năm cuối kỳ	1.000 hộ	-	2,086	2,330	Cục Thống kê HN
29	Tỷ suất sinh thô năm cuối kỳ	‰	16.06	14.88	14.40	Sở Y tế
30	Mức sinh thay thế (bình quân số con/phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Con/phụ nữ	-	2.08	2.10	Sở Y tế
31	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế năm cuối kỳ	%	-	90.1	95.0	BHXXH thành phố HN
32	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm cuối kỳ	%	-	36.0	40.0	BHXXH thành phố HN
33	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động năm cuối kỳ, trong đó:	%	-	38.4	50.0	BHXH thành phố HN
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc	%	-	37.59	47.0	
	- Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện	%	-	0.81	3.0	
34	Số trường học, học sinh năm cuối kỳ					

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	TH 2016-2020	Chỉ tiêu 2021-2025	Chủ trì tổng hợp, báo cáo
34.1	Trường học (MN, TH, THCS, THPT, chuyên nghiệp)	Trường	2,622	2,768	3,042	Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Công lập	Trường	2,149	2,204	2,458	
-	Ngoài công lập và hiệp quản	Trường	473	564	584	
34.2	Trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1,137	1,729	2,092	
-	Công lập	Trường	1,109	1,694	2,054	
-	Ngoài công lập và hiệp quản	Trường	28	35	38	
34.3	Học sinh	1.000 Học sinh	1,815	2,113	2,440	
-	Công lập	1.000 Học sinh	1,603	1,809	2,031	
-	Ngoài công lập và hiệp quản	1.000 Học sinh	212	304	409	
35	Lao động được giải quyết việc làm hàng năm	1.000 lao động	-	154	160	Sở Lao động TB&XH
36	Số lao động trong nền kinh tế năm cuối kỳ	1.000 lao động	3,867.5	4,043.0	4,199.8	Sở Lao động TB&XH
37	Cơ cấu lao động xã hội	%	100.0	100.0	100.0	Cục Thống kê HN
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	19.7	11.6	< 10	
-	Công nghiệp và xây dựng	%	26.8	32.5	> 33	
-	Dịch vụ	%	53.5	55.9	> 57	
III	Phát triển đô thị					
38	Tỷ lệ diện tích đất giao thông/đất đô thị năm cuối kỳ	%	8.65	10.07	12,0-15,0	Sở Giao thông Vận tải
39	Diện tích xanh/người năm cuối kỳ	M2/người	-	-	7,8-8,1	Sở Xây dựng
40	Trồng mới cây xanh đô thị	1.000 cây	-	1,600	500	Sở Xây dựng
41	Tổng công suất nguồn cấp nước năm cuối kỳ	1000 m3/ng.đ	950	1,520	1.800-2.000	Sở Xây dựng
IV	Lĩnh vực nội chính					
42	Thứ hạng Chỉ số PCI năm cuối kỳ	/63 tỉnh, TP	24	9	< 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư
43	Thứ hạng Chỉ số PAPI năm cuối kỳ và mức tăng	/63 tỉnh, TP	50	48	< 23 (Tăng 5 bậc/năm)	Sở Nội vụ
44	Chỉ số SIPAS và thứ hạng năm cuối kỳ	% (/63 tỉnh, TP)	-	85,15 (33/63)	90-95	Sở Nội vụ
45	Thứ hạng Chỉ số PAR Index năm cuối kỳ	/63 tỉnh, TP	9	8	< 10	Sở Nội vụ

Phụ lục 05: Chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
Chủ trì tổng hợp, báo cáo: Sở Nông nghiệp và PTNT
(Kèm theo Chương trình số 277 /CTr-UBND ngày 05/12/2021 của UBND Thành phố)

TT	Huyện	Số xã	Xã đạt NTM KH năm 2021	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐẾN NĂM 2025						CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU				
				NTM		NTM		Huyện đạt NTM		NTM		NTM		Huyện đạt NTM nâng cao
				Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	NTM	NTM nâng cao	Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	
1	Ba Vì	30	9	5	16.7	2	6.7	1		10	33.3	5	16.7	
2	Hoài Đức	19		8	42.1	5	26.3			19	100.0	10	52.6	1
3	TX Sơn Tây	6		4	66.7	2	33.3			6	100.0	3	50.0	
4	Phúc Thọ	20		8	40.0	4	20.0			15	75.0	8	40.0	1
5	Mê Linh	16		8	50.0	4	25.0	1		12	75.0	8	50.0	
6	Gia Lâm	20		12	60.0	5	25.0		1	20	100.0	10	50.0	1
7	Thạch Thất	21		10	47.6	5	23.8			15	71.4	10	47.6	
8	Chương Mỹ	30		8	26.7	4	13.3	1		15	50.0	8	26.7	
9	Thanh Oai	20		10	50.0	4	20.0			20	100.0	8	40.0	1
10	Ứng Hòa	28		6	21.4	4	14.3	1		15	53.6	8	28.6	
11	Mỹ Đức	21	5	6	28.6	3	14.3	1		10	47.6	5	23.8	
12	Quốc Oai	20		8	40.0	5	25.0			20	100.0	10	50.0	1
13	Thanh Trì	15		10	66.7	5	33.3		1	15	100.0	10	66.7	1
14	Phú Xuyên	25		10	40.0	5	20.0			18	72.0	10	40.0	
15	Thường Tín	28		10	35.7	6	21.4		1	23	82.1	12	42.9	
16	Đan Phượng	15		15	100.0	7	46.7		1	15	100.0	15	100.0	1
17	Sóc Sơn	25		6	24.0	4	16.0			20	80.0	10	40.0	
18	Đông Anh	23		12	52.2	6	26.1		1	23	100.0	12	52.2	1
Tổng số		382	14	156	40.8	80	20.9	5	4	291	76.2	162	42.4	8

**Phụ lục 06: Danh mục các Khu công nghiệp, CCN, CCN-làng nghề, Trung tâm logistics, Khu CNTT tập trung
trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025**
(Kèm theo Chương trình số 277/CTr-UBND ngày 05/09/2021 của UBND Thành phố)

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
I	Khu Công nghiệp	2.051		9	0	4	Chủ trì tổng hợp, báo cáo: Ban quản lý KCN, CX
1	KCN Bắc Thăng Long	274.0	Đông Anh	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
2	KCN Nội Bài	114.0	Sóc Sơn	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
3	KCN Sài Đồng	47.0	Long Biên	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
4	KCN Hà Nội - Đài Tư	40.0	Long Biên	1			Đã đầu tư xong hạ tầng, đang đề nghị chuyển đổi thành đô thị
5	KCN Nam Thăng Long	30.0	Bắc Từ Liêm	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
6	KCN Quang Minh I	407.0	Mê Linh	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
7	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	155.0	Thạch Thất, Quốc Oai	1			Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
8	KCN Phú Nghĩa	165.0	Chương Mỹ	1			Đã đầu tư xong hạ tầng, lấp đầy khoảng 93%
9	KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	72.0	Phú Xuyên	1			Đã cơ bản xong hạ tầng, đang thu hút đầu tư
10	KCN Quang Minh II	72.0	Mê Linh			1	Chủ đầu tư là Công ty Hợp Quân; Hiện đang điều chỉnh QHCT
11	Khu công nghiệp Đông Anh	300.0	Đông Anh			1	
12	Khu công nghiệp sạch Sóc Sơn	302.8	Sóc Sơn			1	Chủ đầu tư Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư xây dựng ĐDK đang thực hiện thủ tục đầu tư và GPMB
13	Khu công nghệ cao sinh học	72.0	Bắc Từ Liêm			1	Chủ đầu tư là Công ty Pacific Land; Đang thực hiện lập Đồ án quy hoạch 1/500
II	Cụm công nghiệp	1.802		46	7	27	Chủ trì tổng hợp, báo cáo: Sở Công Thương
1	CCN thị trấn Phùng	32.5	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
2	CCN Tân Hội	4.7	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
3	CCN Đan Phượng	28.0	Đan Phượng	1			GD 1, diện tích 22ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 6,09ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
4	CCN Yên Sơn	8.8	Quốc Oai	1			Đã lấp đầy 100%
5	CCN Ngọc Liệp	8.8	Quốc Oai	1			
6	CCN Yên Nghĩa	43.6	Hà Đông	1			Đã lấp đầy 100%
7	CCN Biên Giang	30.7	Hà Đông	1			Đã lấp đầy 100%
8	CCN Tích Giang	8.7	Phúc Thọ	1			
9	CCN thị trấn Phúc Thọ	20.6	Phúc Thọ	1			Đã lấp đầy 100%
10	CCN Nam Phúc Thọ - Giai đoạn 1	41.7	Phúc Thọ		1		
11	CCN Lại Yên	20.7	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
12	CCN Trường An	10.9	Hoài Đức	1		1/21/1900	Đã lấp đầy 100%
13	CCN Đắc Sở	6.3	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
14	CCN Cầu Nối - Vân Canh	13.4	Hoài Đức	1			
15	CCN Di Trạch	10.0	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
16	CCN An Thượng	10.0	Hoài Đức	1			
17	CCN Kim Chung (Lai Xá)	49.0	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
18	CCN Vân Đình	50.0	Ứng Hòa	1			
19	CCN Thanh Oai	59.3	Thanh Oai	1			Đã lấp đầy 100%
20	CCN Bích Hoà	10.3	Thanh Oai	1			
21	CCN Bình Minh - Cao Viên	41.3	Thanh Oai	1			
22	CCN Dân Hòa	10.0	Thanh Oai	1			
23	CCN Kim Bài	41.6	Thanh Oai		1		
24	CCN Thanh Văn – Tân Ước	47.8	Thanh Oai		1		
25	CCN Tam Hưng	36.0	Thanh Oai			1	
26	CCN Sơn Đông	75.0	Tx. Sơn Tây	1			GD 1, diện tích 12ha đã có 01 doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 62ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
27	CCN Phú Thịnh	8.5	Tx. Sơn Tây	1			Đã lấp đầy 100%
28	CCN Cổ Đông	75.0	Tx. Sơn Tây			1	
29	CCN Ngọc Hồi	56.4	Thanh Trì	1			
30	CCN Đông Anh	18.5	Đông Anh	1			Đã lấp đầy 100%
31	CCN Nguyễn Khê	77.6	Đông Anh	1			
32	CCN Tân Tiến	9.8	Đông Anh	1			Đã lấp đầy 100%
33	CCN Đại Yên	5.0	Chương Mỹ	1			
34	CCN Đông Phú Yên	51.8	Chương Mỹ	1			GD 1, diện tích 11ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 41ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
35	CCN Ngọc Hòa	5.2	Chương Mỹ	1			Đã lấp đầy 100%
36	CCN Phụng Châu	4.5	Chương Mỹ	1			Đã lấp đầy 100%
37	CCN Đông Sơn	5.6	Chương Mỹ	1			Đã lấp đầy 100%
38	CCN Ngọc Sơn	20.0	Chương Mỹ	1			Đã lấp đầy 100%
39	CCN Hà Bình Phương 1	41.6	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
40	CCN Liên Phương	18.7	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
41	CCN Hà Bình Phương 2	9.1	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
42	CCN Quất Động 2 (mở rộng)	43.5	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
43	CCN Duyên Thái	18.4	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
44	CCN Quất Động	23.6	Thường Tín	1			Đã lấp đầy 100%
45	CCN Từ Liêm	65.1	Bắc Từ Liêm	1			Đã lấp đầy 100%
46	CCN Cam Thượng	16.0	Ba Vì	1			
47	CCN Đồng Giai	20.0	Ba Vì	1			
48	CCN Tân Lĩnh	10.0	Ba Vì	1			
49	CCN T.Phẩm Hapro	32.6	Gia Lâm	1			Đã lấp đầy 100%
50	CCN Ninh Hiệp	60.1	Gia Lâm	1			Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
51	CCN Phú Thị	53.5	Gia Lâm	1			GD 1, diện tích 20,2ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 32,57ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
52	CCN Lâm Giang	26.7	Gia Lâm		1		
53	CCN CN2	50.4	Sóc Sơn		1		
54	CCN CN3	78.2	Sóc Sơn		1		
55	CCN Mai Đình	67.0	Sóc Sơn		1		
56	CCN Lai Sơn 1	15.0	Sóc Sơn			1	
57	CCN Lai Sơn 2	15.0	Sóc Sơn			1	
58	CCN Ný	50.0	Sóc Sơn			1	
59	CCN Đại Nghĩa	30.0	Mỹ Đức			1	
III	Cụm công nghiệp - làng nghề	1,207.8		24	28	48	Sở Công Thương chỉ trì
1	CCN Liên Hà	9.6	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
2	CCN Hồ Điền	3.3	Đan Phượng	1			Đã lấp đầy 100%
3	CCN Song Phượng	6.0	Đan Phượng		1		
4	CCN Hồng Hà	6.0	Đan Phượng		1		
5	CCN Phương Đình	8.0	Đan Phượng			1	
6	CCN Thọ Xuân	5.0	Đan Phượng			1	
7	CCN Liên Hiệp	20.0	Phúc Thọ	1			GD 1, diện tích 8ha đã đi vào hoạt động. Đã có QĐ thành lập GD 2 với diện tích 12ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
8	CCN Tam Hiệp	20.0	Phúc Thọ		1		
9	CCN Thanh Đa	8.3	Phúc Thọ		1		
10	CCN Long Xuyên	6.0	Phúc Thọ		1		
11	CCN Võng Xuyên	5.9	Phúc Thọ		1		
12	CCN Phụng Thượng	22.0	Phúc Thọ			1	
13	CCN Sen Chiểu	20.0	Phúc Thọ			1	
14	CCN Hát Môn	10.0	Phúc Thọ			1	
15	CCN Võng Xuyên 2	5.0	Phúc Thọ			1	
16	CCN La Phù	11.5	Hoài Đức	1			Đã lấp đầy 100%
17	CCN Đại Tự	7.9	Hoài Đức	1			
18	CCN Dương Liễu	29.0	Hoài Đức	1			GD 1, 11ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đang đầu tư nhà xưởng. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 17ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
19	CCN Đông La	10.0	Hoài Đức		1		
20	CCN Cát Quế	10.0	Hoài Đức			1	
21	CCN Minh Khai	12.0	Hoài Đức			1	
22	CCN Sơn Đồng	15.0	Hoài Đức			1	
23	CCN Dương Liễu 2	27.0	Hoài Đức			1	
24	CCN Bình Phú	21.0	Thạch Thất	1			Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
25	CCN Bình Phú I	15.3	Thạch Thất	1			GD 1, 14,71ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 15,73ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
26	CCN Canh Nậu	10.7	Thạch Thất	1			
27	CCN Chàng Sơn	26.0	Thạch Thất	1			GD 1, 10,7ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 15,3ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
28	CCN Cơ kim khí Phùng Xá	18.7	Thạch Thất	1			
29	CCN Đồ mộc dân dụng Phùng Xá	4.2	Thạch Thất	1			
30	CCN Kim Quan	10.7	Thạch Thất	1			
31	CCN làng nghề Dị Nậu	10.0	Thạch Thất		1		
32	CCN làng nghề Hữu Bằng	30.0	Thạch Thất		1		
33	CCN Thạch Xá	10.0	Thạch Thất			1	
34	CCN Hương Ngải	10.0	Thạch Thất			1	
35	CCN Xà Cầu	19.0	Ứng Hòa	1			GD 1, diện tích 2,1ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. GD 2 với diện tích 7,29ha, hiện đang CBĐT xây dựng hạ tầng
36	CCN Cầu Bàu	7.7	Ứng Hòa		1		
37	CCN Trường Thịnh	10.0	Ứng Hòa			1	
38	CCN Đồng Tân	10.0	Ứng Hòa			1	
39	CCN Kim Đường	10.0	Ứng Hòa			1	
40	CCN Hòa Xá	7.0	Ứng Hòa			1	
41	CCN Hoa Sơn	10.0	Ứng Hòa			1	
42	CCN Minh Đức	10.0	Ứng Hòa			1	
43	CCN Thanh Thủy	12.0	Thanh Oai	1			GD 1, 5,5 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 6,5ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
44	CCN Hồng Dương	11.2	Thanh Oai		1		
45	CCN Phương Trung	9.1	Thanh Oai		1		
46	CNN Tân Triều	10.5	Thanh Trì	1			
47	CCN Hữu Hòa	5.0	Thanh Trì			1	
48	CCN Vạn Phúc	6.0	Thanh Trì			1	
49	CCN Liên Hà	2.9	Đông Anh	1			
50	CCN Văn Hà	10.1	Đông Anh	1			
51	CCN Thiết Bình	21.1	Đông Anh		1		
52	CCN Liên Hà 2	20.0	Đông Anh		1		
53	CCN Dục Tú	15.0	Đông Anh		1		
54	CCN Thụy Lâm	17.0	Đông Anh		1		
55	CCN Vạn Điểm	7.2	Thường Tín	1			
56	CCN Tiên Phong	18.0	Thường Tín	1			GD 1, 7,6 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 8,1ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
57	CCN sơn mài Duyên Thái	12.6	Thường Tín	1			
58	CCN Ninh Sở	13.0	Thường Tín	1			GD 1, 5 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp hoạt động ổn định. Đã có QĐ thành lập GD 2 diện tích 7,7ha, đang CBĐT xây dựng hạ tầng
59	CCN Thăng Lợi	8.9	Thường Tín		1		
60	CCN Văn Tự	7.8	Thường Tín		1		
61	CCN Hòa Bình	7.0	Thường Tín			1	
62	CCN Hiền Giang	10.0	Thường Tín			1	
63	CCN Dũng Tiến	5.0	Thường Tín			1	
64	CCN Lê Lợi	6.0	Thường Tín			1	
65	CCN Chương Dương	5.0	Thường Tín			1	
66	CCN Nghiêm Xuyên	5.0	Thường Tín			1	
67	CCN Văn Bình	5.0	Thường Tín			1	
68	CCN Văn Tảo	5.0	Thường Tín			1	
69	CCN Hồng Vân	10.0	Thường Tín			1	
70	CCN Nguyễn Trãi	5.0	Thường Tín			1	
71	CCN Làng nghề Bát Tràng	16.9	Gia Lâm	1			Đã lắp đầy 100%
72	CCN Kiều Kỵ	15.7	Gia Lâm	1			
73	CCN Đình Xuyên	7.8	Gia Lâm		1		
74	CCN làng nghề Phú Túc	5.9	Phú Xuyên		1		
75	CCN làng nghề Đại Thắng	7.4	Phú Xuyên		1		
76	CCN làng nghề Phú Yên	10.0	Phú Xuyên		1		
77	CCN làng nghề Văn Từ	7.0	Phú Xuyên		1		
78	CCN Hồng Minh	5.0	Phú Xuyên			1	
79	CCN Sơn Hà	5.0	Phú Xuyên			1	
80	CCN Phượng Dực	7.0	Phú Xuyên			1	
81	CCN Bạch Hạ	5.0	Phú Xuyên			1	
82	CCN Tri Trung	5.0	Phú Xuyên			1	
83	CCN Hoàng Long	25.0	Phú Xuyên			1	
84	CCN Văn Hoàng	12.0	Phú Xuyên			1	
85	CCN làng nghề Tân Hòa	12.9	Quốc Oai		1		
86	CCN Ngọc Mỹ - Thạch Thán	21.0	Quốc Oai		1		
87	CCN làng nghề Nghĩa Hương	12.0	Quốc Oai		1		
88	CCN Tuyết Nghĩa	20.0	Quốc Oai			1	
89	CCN Liệp Tuyết	35.0	Quốc Oai			1	
90	CCN Đình Tổ	15.0	Quốc Oai			1	
91	CCN Cộng Hòa	15.0	Quốc Oai			1	
92	CCN Cấn Hữu	20.0	Quốc Oai			1	
93	CCN Đông Yên	35.0	Quốc Oai			1	

TT	Danh mục	Quy mô ha	Địa điểm	Hiện trạng			Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang xây dựng	Xây dựng 2021-2025	
94	CCN Xuân Thu	20.0	Sóc Sơn		1		
95	CCN Xuân Giang	20.0	Sóc Sơn			1	
96	CCN Thụy Hương	12.0	Chương Mỹ			1	
97	CCN Lam Điền	6.0	Chương Mỹ			1	
98	CCN Hòa Chính	8.0	Chương Mỹ			1	
99	CCN Phùng Xá	10.0	Mỹ Đức			1	
100	CCN Đa Sỹ	13.0	Hà Đông		1		
V	Trung tâm logistic	46.1		0	3	0	Chủ trì tổng hợp, báo cáo: Sở Công Thương
1	Cảng cạn IDC Cổ Bi	19.2	Gia Lâm		1		Dự kiến sẽ mở rộng trong giai đoạn 2 thành 34,5ha
2	Cảng cạn IDC Đức Thượng	23.3	Hoài Đức		1		
3	Trung tâm khai thác, vận chuyển khu vực phía Bắc Mê Linh	3.6	Mê Linh		1		
VI	Khu CNTT tập trung	165.85		2	1	1	Chủ trì tổng hợp, báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông
1	Khu CNTT tập trung Cầu Giấy	8.3	Cầu Giấy	1			
2	Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	43.5	Long Biên		1		Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Hanel. Đã cơ bản hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cơ bản và đang thu hút đầu tư.
3	Khu Công viên công nghệ thông tin	36.0	Long Biên	1			Nằm liền kề KCN Sài Đồng B, theo Quy hoạch ban đầu KCN Sài Đồng B (97ha), đã thực hiện 47ha, sau giao diện tích còn lại cho Tập đoàn Him Lam làm CĐT Khu công viên công nghệ thông tin
4	Khu Công viên phần mềm Đông Anh	78.1	Đông Anh			1	Hiện tại, các Sở, ngành liên quan tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương lựa chọn nhà đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án.

Phụ lục 07: Nhiệm vụ trọng tâm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

(Kèm theo Chương trình số ~~297~~ /CTr-UBND ngày 05/11/2021 của UBND Thành phố)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
I	LĨNH VỰC KINH TẾ				
1	Hoàn thành nhiệm vụ Lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận.	CT UBND TP	Quý IV/2021
2	Lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cơ quan chủ trì sẽ được xác định sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và UBND TP ban hành quyết định cơ quan chủ trì lập quy hoạch	Các Sở, Ban, ngành của Thành phố; UBND các quận, huyện, Thị xã	CT UBND TP Chu Ngọc Anh Các PCT UBND TP: Dương Đức Tuấn, Hà Minh Hải	2022-2023
3	Rà soát, tham mưu sửa đổi Quy định về phân cấp quản lý nhà nước về hạ tầng, KTXH trên địa bàn Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	- Các PCT UBND Thành phố phụ trách lĩnh vực - PCT UBND TP Hà Minh Hải chỉ đạo chung	QĐ số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
4	Nghị quyết của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội	Sở Tài chính	Cục Thuế Thành phố Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
5	Thực hiện Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 05/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Hàng năm
6	Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội (Bổ sung, sửa đổi Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 30/8/2018)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
7	Quyết định UBND Thành phố quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách của thành phố Hà Nội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý II/2022
8	Chương trình hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các huyện, thị xã thực hiện một số mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội và Danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021-2025 của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội
9	Tổng hợp, tham mưu UBND TP trình HĐND TP cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận hỗ trợ các huyện khó khăn theo Nghị quyết số 115/2020/NQ-QH14 của Quốc hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính, các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Hàng năm tại các kỳ họp HĐND Thành phố
10	Kế hoạch tổng thể rà soát toàn bộ các dự án đầu tư ngoài ngân sách, dự án có vốn đầu tư nước ngoài, biên bản ghi nhớ đã ký tại các hội xúc tiến đầu tư; tổ chức đánh giá, phân loại, đơn đốc, hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và khai thác tối đa nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Công Thương, Văn hóa Thể thao, Giáo dục và Đào tạo; Cục Thuế; Cục Hải quan; Các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
11	Đề án/Kế hoạch đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội hóa cho đầu tư phát triển (kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông...)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hóa Thể thao, Thông tin và Truyền thông, Công Thương; các Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã có liên quan	Các PCT UBND TP phụ trách lĩnh vực	Quý IV/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
12	Kế hoạch đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội và Danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021-2025 của Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội
13	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; Sở Ngoại vụ; các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	KH số 153/KH-UBND ngày 23/6/2021
14	Đề án khai thác nguồn lực từ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, các sở ngành và UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
15	Kế hoạch tổng thể công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Sở Tài chính	Các Tổng Công ty; Doanh nghiệp nhà nước; Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
16	Đề án khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản công	Sở Tài chính	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Các Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
17	Xây dựng cơ sở dữ liệu về mua sắm tập trung, ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ mua sắm điện tử	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở, Ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Hàng năm
18	Kế hoạch kiểm tra, rà soát, đánh giá hoạt động các quỹ tín dụng nhân dân để có biện pháp chấn chỉnh, củng cố tổ chức, hoạt động	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
19	Kế hoạch kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt là tín dụng đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT...	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
20	Kế hoạch tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng; giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hà Nội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
21	Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	Các Sở, ngành liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội và Danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021-2025 của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội
22	Nghiên cứu, đề xuất tham mưu các nội dung tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra	Viện nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ; các đơn vị có liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
23	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Chử Xuân Dũng	Quý IV/2021
24	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế; UBND quận, huyện, Thị xã có liên quan	PCT UBND TP Chử Xuân Dũng	KH số 149/KH-UBND ngày 16/6/2021
25	Thực hiện Kế hoạch số phát triển kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Liên minh HTX; Các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	KH số 32/KH-UBND ngày 03/2/2021
26	Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
27	Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
28	Chương trình hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; UBND các quận, huyện, Thị xã có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
29	Thực hiện chương trình, đề án: - Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025. - Kế hoạch thực hiện đề án phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. - Đề án nâng cao chất lượng công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng hóa chất công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	- QĐ số 2316/QĐ-UBND ngày 05/6/2020; - QĐ số 4303/QĐ-UBND ngày 24/9/2020; - QĐ số 5571/QĐ-UBND ngày 09/12/2020.
30	Chương trình phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 204-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội)	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2022
31	Thực hiện Kế hoạch thành lập và đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề theo quy hoạch	Sở Công Thương	các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; UBND các quận, huyện, Thị xã có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 68/KH-UBND ngày 17/3/2021
32	Thực hiện Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố, Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 16/9/2020 của Thành ủy Hà Nội triển khai Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 223/KH-UBND ngày 18/11/2020
33	Kế hoạch phát triển điện lực, phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	- KH số 222/KH-UBND ngày 18/11/2020 - KH số 224/KH-UBND ngày 18/11/2020 - KH số 225/KH-UBND ngày 18/11/2020 - KH số 230/KH-UBND ngày 27/11/2020
34	Thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố về phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 169/KH-UBND ngày 20/8/2020
35	Kế hoạch phát triển thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 117/KH-UBND ngày 24/5/2018
36	Đề án quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng; Cục Hải quan; Cục thuế; UBND các quận, huyện liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
37	Kế hoạch quản lý đầu tư, cải tạo, phát triển hệ thống chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 228/KH-UBND ngày 12/10/2021
38	Hoàn thành khảo sát, nghiên cứu khả thi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ đầu mối quốc tế nông sản tại huyện Gia Lâm và kêu gọi xã hội hóa đầu tư các chợ đầu mối trên địa bàn Thành phố.	Sở Công Thương	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Cục Thuế; Cục Hải quan; UBND huyện Gia Lâm	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
39	Kế hoạch tổ chức các hoạt động liên kết vùng, hỗ trợ quảng bá, kết nối cung - cầu hàng hóa giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố; các hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế.	Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở, ngành, quận, huyện liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 102/KH-UBND ngày 14/4/2021
40	Đề án phát triển 02-05 khu công nghiệp mới; hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	BQL các Khu công nghiệp, chế xuất	Các Sở, Ban, ngành, quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
41	Đề án xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Du lịch, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT; Khoa học và Công nghệ; Ngoại vụ; các sở, ngành và UBND các quận, huyện, Thị xã có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
42	Tham mưu ban hành Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy về Phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo	Sở Du lịch	Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy, Văn phòng Thành ủy phối hợp; Văn phòng UBND Thành phố; các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
43	Kế hoạch kích cầu, phát triển du lịch nội địa theo hướng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ điểm đến, các sản phẩm du lịch. Hình thành một số sản phẩm mới phục vụ phát triển du lịch (mở rộng, phát triển không gian đi bộ, các tuyến phố ẩm thực,...); hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Hiệp hội du lịch, Câu lạc bộ du lịch; các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 44/KH-SDL ngày 07/4/2021
44	Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá điểm đến du lịch Hà Nội trên các nền tảng số, hệ thống thông tin, truyền hình của Trung ương, Thành phố và các phương tiện truyền thông khác	Sở Du lịch	Sở Ngoại vụ; Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 96/KH-UBND ngày 08/4/2021
45	Quy chế phối hợp quản lý cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm cụ thể hóa Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 sửa đổi một số điều của Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND của UBND Thành phố.	Sở Du lịch	Các Sở, ngành Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
46	Kế hoạch phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức các chương trình quảng bá, sự kiện du lịch chuyên nghiệp, hiện đại, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa Thủ đô, tầm cỡ quốc gia và khu vực	Sở Du lịch	Các sở: Văn hóa và Thể thao, Công Thương, Nông nghiệp & PTNT; Trung tâm Xúc tiến ĐTTMDL; các Sở, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
47	Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2016-2020	Cục Thống kê Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
48	Đề án thiết lập Sân giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; - Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
49	Kế hoạch giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
50	Thực hiện Kế hoạch của UBND Thành phố về phát triển phương tiện vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 201/KH-UBND ngày 16/10/2020
51	Đề án khuyến khích phát triển loại hình ô tô đưa đón tập trung cho học sinh tại các trường trên địa bàn các quận thuộc thành phố Hà Nội nhằm hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân, giảm ùn tắc giao thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giao thông vận tải; Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
52	Quy định xe chở người 4 bánh sử dụng động cơ điện phục vụ kinh doanh hoạt động theo khu vực trên địa bàn Thành phố	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
53	Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
54	Xây dựng bộ tiêu chí quy định về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
55	Xây dựng đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với giá thực tế của thị trường	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
56	Quy chế phối hợp về việc báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	QĐ số 06/2021/QĐ-UBND ngày 26/4/2021
57	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế, Cục Hải quan; Công an Thành phố; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
58	Kế hoạch hội nhập quốc tế thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Trung tâm xúc tiến ĐTTMDL; Cục Hải quan; Cục Thuế; Sở Nông nghiệp và PTNT; Các Sở, ngành liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	KH số 128/KH-UBND ngày 24/5/2021
59	Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Chỉ thị 14/CT-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch UBND TP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
60	Xây dựng và thực hiện Chương trình mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025	Ban Dân tộc Thành phố	Các sở, ban, ngành và quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
61	Hướng dẫn công tác lập, thẩm định dự toán và bố trí nguồn vốn, giải ngân cho nhiệm vụ quy hoạch (từ nguồn vốn đầu tư công)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, Thị xã	Các PCT UBND TP Hà Minh Hải và Dương Đức Tuấn	Các văn bản: số 2013/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2021; số 2847/UBND-KH&ĐT ngày 31/8/2021
62	Đề án xây dựng bộ dữ liệu, thống kê của ngành quy hoạch, xây dựng	Cục Thống kê Hà Nội	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
63	Kế hoạch nâng cao chất lượng các khu, điểm du lịch gắn với di sản văn hóa, ẩm thực, làng nghề, làng cổ; tổ chức các cuộc thi tay nghề sáng tạo mẫu sản phẩm quà tặng phục vụ hoạt động du lịch Thủ đô	Sở Du lịch	Các sở: Văn hóa Thể thao, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	QĐ số 3928/QĐ-UBND ngày 13/8/2021; KH số 63/KH-SDL ngày 11/5/2021
64	Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án chậm tiến độ, chậm triển khai, đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan đơn vị có liên quan	Các PCT UBND TP theo lĩnh vực phụ trách	Quý IV/2021
65	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước; mua sắm, quản lý tài sản công trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Tài chính	Các cơ quan đơn vị có liên quan	PCT UBND TP Hà Minh Hải	QĐ số 3986/QĐ- UBND ngày 23/8/2021
II LĨNH VỰC ĐÔ THỊ					
66	Hoàn thành xây dựng 02-03 siêu thị, trung tâm thương mại lớn	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	2021-2025
67	Triển khai đầu tư xây dựng 01 Tháp trung tâm tài chính	Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
68	Triển khai đầu tư xây dựng 01-02 khu outlet quy mô lớn	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương	Các Sở, Ban, ngành, UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	2021-2025
69	Thực hiện Quy hoạch phân khu nội đô H1: H1-1 (A,B,C), H1-2, H1-3, H1-4	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	UBND TP ngày 19/3/2021 phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu: - số 1356/QĐ-UBND đô thị H1-3; - số 1357/QĐ-UBND đô thị H1-1C; - số 1358/QĐ-UBND đô thị H1-4; - số 1359/QĐ-UBND đô thị H1-2; - số 1360/QĐ-UBND đô thị H1-1B; - số 1361/QĐ-UBND đô thị H1-1A.
70	Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng (R1-5)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
71	Quy hoạch phân khu đô thị sông Đuống (R6)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
72	Quy hoạch phân khu thuộc các đô thị vệ tinh	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
73	Quy hoạch xây dựng vùng huyện (Gia Lâm, Mê Linh, Sóc Sơn, Đan Phượng, Thường Tín, Phú Xuyên, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Thanh Oai, Ứng Hòa, Phúc Thọ, Chương Mỹ, Ba Vì)	UBND các huyện	Sở Quy hoạch Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành; Viện Quy hoạch xây dựng HN; các địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
74	Quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng du lịch Ba Vì - Suối Hai	Sở Quy hoạch Kiến trúc	Viện Quy hoạch xây dựng HN; Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
75	Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng du lịch tại Sơn Tây, Sóc Sơn	Sở Quy hoạch Kiến trúc	Viện Quy hoạch xây dựng HN; Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
76	Quy hoạch phân khu xây dựng một số khu chức năng giáo dục - y tế, nghiên cứu đào tạo, công nghiệp,...	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
77	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm Quy hoạch chung không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm)	Viện Quy hoạch xây dựng HN	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
78	Quy hoạch chung không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
79	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
80	Xây dựng các quy chế quản lý kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, Ban, ngành; địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2022-2025
81	Thiết kế đô thị trong khu vực nội đô lịch sử (các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Đống Đa, Hai Bà Trưng)	UBND các quận	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
82	Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị các khu dân cư làng xóm hiện có, cải tạo chỉnh trang, các khu vực hai bên tuyến đường giao thông	UBND các quận, huyện, thị xã	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, Ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
83	Triển khai lập hồ sơ cắm mốc một số các tuyến đường, các tuyến hạ tầng kỹ thuật khung, các khu vực cấm xây dựng theo quy hoạch được duyệt	UBND các quận, huyện, thị xã, các chủ đầu tư dự án ĐTXD	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; UBND quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
84	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch giao thông vận tải thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Sở Giao thông Vận tải	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2023
85	Quy hoạch bến, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Giao thông Vận tải	Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; các Sở, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
86	Quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, các điểm TOD tích hợp với sử dụng đất	Ban Quản lý Đường sắt đô thị HN	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các sở, ban, ngành; Viện Quy hoạch xây dựng HN và quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
87	Quy định về công tác quản lý, bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
88	Đề án thành lập Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật của Thành phố	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2022
89	Thiết kế các cầu qua sông Hồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
90	Đề án phân vùng hạn chế hoạt động của xe máy phù hợp với cơ sở hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng tiến tới dừng hoạt động xe máy trên địa bàn các quận vào năm 2030	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
91	Rà soát, sửa đổi ban hành cơ chế, chính sách tiếp tục trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
92	Thực hiện Đề án đầu tư xây dựng huyện thành quận đến năm 2025 đối với 05 huyện: Hoài Đức, Đông Anh, Thanh trì, Gia Lâm, Đan Phượng	UBND các huyện Hoài Đức, Đông Anh, Thanh trì, Gia Lâm, Đan Phượng	Các Sở, ngành liên quan	CT UBND TP Chu Ngọc Anh; Các PCT UBND TP Hà Minh Hải, Nguyễn Mạnh Quyền, Dương Đức Tuấn	2021-2025
93	Triển khai đầu tư xây dựng 02-03 khu đô thị mới theo định hướng đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
94	Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
95	Hoàn thành xây dựng Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND TP
96	Triển khai cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ nguy hiểm cấp D; Triển khai cải tạo, xây dựng lại 02-03 khu chung cư cũ và chuẩn bị triển khai các khu còn lại	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Vấn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
97	Quyết định của UBND Thành phố ban hành Danh mục, Quy chế quản lý các công trình kiến trúc được xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
98	Quyết định của UBND Thành phố ban hành Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia thực hiện công tác cải tạo, trùng tu, chỉnh trang các biệt thự cũ và các công trình kiến trúc được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022
99	Quy định về quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân thuê để sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và các mục đích khác không phải để ở trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022
100	Kế hoạch rà soát, kiểm tra đánh giá 1.219 biệt thự và tổ chức kiểm định các biệt thự đã xuống cấp, nguy hiểm	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Năm 2022
101	Thiết lập hồ sơ quản lý 1.219 biệt thự và tổ chức lập hồ sơ 3D đối với 222 biệt thự nhóm I	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2022-2024
102	Chỉnh trang 20 nhà biệt thự có giá trị xây dựng trước năm 1954	Sở Xây dựng	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
103	Chỉnh trang 10 công trình kiến trúc có giá trị xây dựng trước năm 1954	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng; Các Sở, ngành; UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
104	Kế hoạch hàng năm kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	KH số 19/KH-SXD(QLN) ngày 02/02/2021
105	Quyết định thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 và Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND Thành phố ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
106	Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
107	Kế hoạch hạ ngầm 100% hệ thống cáp điện lực, thông tin tại các khu vực phát triển đô thị, các tuyến đường cải tạo, xây dựng mới	Sở Xây dựng	Các sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông; UBND các quận, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
108	Tiếp tục triển khai hạ ngầm cáp viễn thông, điện lực tại 300 tuyến phố trong khu vực khu phố cũ	Sở Xây dựng	Các sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông; UBND các quận, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
109	Kế hoạch chỉnh trang hè, đường phố trên địa bàn 12 quận với 180 tuyến	Sở Xây dựng chủ trì xây dựng, tổng hợp; Giao các quận thực hiện	UBND các quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
110	Hoàn thành trình duyệt điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Quy hoạch - Kiến trúc; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	QĐ số 554/QĐ-TTg ngày 06/4/2021
111	Quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
112	Kế hoạch trồng mới cây xanh (3,5 triệu cây xanh toàn Thành phố; 500 nghìn cây xanh đô thị) và chăm sóc, bảo vệ cây xanh trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Xây dựng	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính; UBND các quận, huyện, thị xã.	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
113	Rà soát, xác định và mở rộng tuyến phố đi bộ tại các địa điểm văn hóa, di tích, điểm thu hút khách du lịch và tụ điểm thương mại	Các sở: Văn hóa và Thể thao; Du lịch	Sở Quy hoạch Kiến trúc và các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
114	Phát triển, mở rộng 03-05 khu vực thành không gian, tuyến phố đi bộ	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Tây Hồ và các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
115	Cải tạo, nâng cấp 45 công viên, vườn hoa hiện có; Đầu tư xây dựng mới 05 công viên, vườn hoa	Sở Xây dựng chủ trì xây dựng, tổng hợp; Giao các quận, huyện thực hiện	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Vấn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
116	Kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống chiếu sáng	Sở Xây dựng	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
117	Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
118	Đề án "Nghiên cứu tổng thể các điểm xây dựng hạ tầng kỹ thuật xã hội phục vụ công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn"	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
119	Đề án phát triển kinh tế đô thị thành phố Hà Nội	Viện Nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội, Sở Xây dựng, Sở KH&ĐT	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, Ban, ngành và UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
120	Rà soát quy hoạch, nghiên cứu, xây dựng các cơ chế nhằm đẩy nhanh việc đầu tư hệ thống công viên, cây xanh theo phương thức xã hội hóa...	Sở Xây dựng	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
121	Quy định về tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý theo quy hoạch xây dựng, đô thị	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
122	Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng, đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
123	Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung bộ quy chuẩn địa phương về quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
124	Đề án nghiên cứu, hướng dẫn về quy trình, nội dung các đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc, thống nhất trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
125	Quy định về cách tính dân số, số người/căn hộ trong các loại hình nhà ở chung cư, chung cư hỗn hợp, văn phòng - khách sạn có lưu trú (Condotel, officetel, biệt thự nghỉ dưỡng) trên địa bàn Thành phố	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
126	Quy định về việc chấp thuận Tổng mặt bằng, phương án kiến trúc các dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ hơn 5ha (<2ha đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) không phải lập quy hoạch chi tiết 1/500, nhằm rút ngắn thời gian lập dự án, tăng cường kiểm soát không gian kiến trúc cảnh quan trên địa bàn Thủ đô	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các Quận, Huyện, Thị xã, Viện QHXD	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2022
127	Xây dựng Danh mục công trình kiến trúc có giá trị (theo quy định của Luật Kiến trúc)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2023
128	Xây dựng danh mục các đơn vị tổ chức hành nghề tư vấn thiết kế quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước	Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng	Các đơn vị liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
129	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin kiểm soát và xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng, đất đai, các khu vực có tranh chấp, khiếu kiện về xây dựng, đất đai (Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý, chính quyền địa phương)	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
130	Giải pháp đẩy mạnh công tác quản lý, sử dụng nhà ở xã hội, nhà tái định cư, quản lý các biệt thự công, các công trình công cộng tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Các cơ quan đơn vị có liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
III PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN					
131	Kế hoạch kích cầu tiêu dùng, chương trình khuyến mại tập trung, phát triển các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP hàng năm	Sở Công Thương	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Du lịch, Y tế; các Sở, ngành liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Hàng năm
132	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
133	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách đặc thù khuyến khích phát triển nông nghiệp và nông thôn thành phố Hà Nội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
134	Kế hoạch phát triển nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; UBND các địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	QĐ số 2085/QĐ-UBND ngày 11/5/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
135	Kế hoạch phát triển chăn nuôi gắn với xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp, cơ sở giết mổ tập trung với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế; UBND quận, huyện, thị xã có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
136	Kế hoạch cơ cấu lại các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, sản xuất theo hướng hàng hóa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
137	Kế hoạch phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; UBND các địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
138	Kế hoạch phát triển chăn nuôi theo vùng xã trọng điểm, trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, gia trại có quy mô lớn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
139	Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022
140	Kế hoạch thúc đẩy tái sử dụng, tái chế biến chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
141	Kế hoạch phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2023
142	Quy hoạch phát triển làng nghề Hà Nội giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2040	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
143	Kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
144	Kế hoạch phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Các Sở, ban, ngành, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
145	Chương trình phát triển OCOP giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương; các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
146	Kế hoạch củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh Hợp tác xã Thành phố; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
147	Đề án hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở: Liên minh HTX Thành phố, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, và sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
148	Đề án nâng cao vai trò của Hội nông dân các cấp trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Hội nông dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT và sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
149	Kế hoạch phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
150	Kế hoạch củng cố hệ thống thủy lợi, các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021
151	Đề án phát triển nông nghiệp đô thị giai đoạn 2022-2026	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
152	Kế hoạch ứng dụng công nghệ nông nghiệp 4.0 cho sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
153	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 5 năm 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
154	Xác định các vùng an toàn lương thực	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	2021-2023
155	Trung tâm Thiết kế sáng tạo sản phẩm làng nghề Hà Nội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	2021-2025
IV. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO					
156	Triển khai sâu rộng Bộ quy tắc ứng xử du lịch, chuẩn hóa thuyết minh các điểm du lịch, triển khai ứng xử văn minh du lịch cho cộng đồng dân cư một số điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn Thành phố	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
157	Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
158	Trung tâm Thiết kế sáng tạo Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
159	Triển khai Giai đoạn II Đề án sắp xếp, phát triển và quản lý báo chí thành phố Hà Nội đến năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
160	Thành lập Trung tâm Báo chí Thủ đô Hà Nội trên cơ sở kiện toàn, mở rộng Công giao tiếp điện tử Hà Nội	Sở Thông tin và Truyền thông	Đề nghị Ban Tuyên giáo Thành ủy phối hợp	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
161	Nghị quyết về phát triển công nghiệp văn hóa Thủ đô giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
162	Kế hoạch tổ chức SEA Games 31 và Para games 11 tại Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	- KH số 91/KH-UBND ngày 06/4/2021; - QĐ số 1618/QĐ-UBND - QĐ số 1619/QĐ-UBND
163	Kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao Thủ đô năm 2021-2022	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, ngành, quận, huyện có liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 05/KH-UBND ngày 11/1/2021
164	Kế hoạch tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở, ngành, quận, huyện có liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
165	Kế hoạch nâng cao chất lượng xây dựng danh hiệu phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị trên địa bàn TP giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
166	Kế hoạch hoàn thiện, phát huy hiệu quả quy ước, hương ước trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
167	Kế hoạch xây dựng mô hình làng văn hóa kiểu mẫu gắn với thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
168	Kế hoạch thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc Thành phố Hà Nội và Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
169	Kế hoạch nâng cao công tác quản lý, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Viện Bảo tồn di tích - Bộ VHTTDL; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
170	Kế hoạch bảo tồn và phát triển các đơn vị nghệ thuật ca kịch truyền thống chuyên nghiệp của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
171	Kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo, biển hiệu trên địa bàn Thành phố Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
172	Kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác trang trí, tuyên truyền, cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị trên địa bàn Thành phố	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
173	Kế hoạch phát triển mô hình đọc sách trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND các huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
174	Kế hoạch xây dựng, lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục thể thao ngoài trời phục vụ Nhân dân giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
175	Kế hoạch thực hiện Đề án "Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học" giai đoạn 2020 - 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
176	Kế hoạch biên soạn, lồng ghép nội dung giáo dục nét văn hóa Hà Nội trong bộ tài liệu giáo dục địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa và Thể thao; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
177	Nghị quyết xây dựng chính sách hỗ trợ nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể Thành phố Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
178	Kế hoạch đào tạo vận động viên thành tích cao trọng điểm các môn Olympic và Asiad Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
179	Kế hoạch chuyển đổi vị trí việc làm đối với lực lượng huấn luyện viên; sắp xếp sử dụng nguồn huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao thuộc Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục, thể thao Hà Nội sau khi hoàn thành nhiệm vụ	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
180	Kế hoạch xây dựng cơ chế thu hút nhân tài thể thao Thủ đô giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC					
181	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 2523/KH-SGDĐT ngày 12/7/2021 KH của UBND TP: Quý I/2022
182	Kế hoạch dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông, trung tâm giáo dục ngoại ngữ - giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 28/KH-UBND ngày 23/01/2019
183	Kế hoạch xây dựng trường công lập chất lượng cao giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 819/KH-SGDĐT ngày 19/3/2021 KH của UBND TP: Quý I/2022
184	Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 và các năm tiếp theo	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ số 3374/QĐ-UBND ngày 13/7/2021
185	Đề án xây dựng danh mục nghề, định mức kinh tế kỹ thuật và tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp, trong đó chú trọng đào tạo cho đối tượng là lao động nông thôn, lao động mất đất, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển KTXH trên địa bàn Thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
186	Xây dựng quy hoạch phát triển ngành, Quy hoạch mạng lưới trường mầm non, trường phổ thông thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cập nhật vào Quy hoạch chung của thành phố Hà Nội	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
187	Kế hoạch xây dựng 05 trường liên cấp tiên tiến, hiện đại có diện tích từ 5 ha trở lên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
188	Rà soát, xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục dạy nghề thành phố Hà Nội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở, Ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
189	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
190	Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 06/KH-UBND ngày 12/10/2021
191	Đề án nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo Thủ đô giai đoạn 2021-2025	Trường Đại học Thủ đô	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
192	Xây dựng chính sách hỗ trợ học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
193	Kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					
194	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021
195	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 205-KH/TU ngày 10/9/2020 của Thành ủy Hà Nội về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và truyền thông; Viện nghiên cứu KTXH; các Sở, ngành liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 76/KH-UBND ngày 22/3/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
196	Kế hoạch phát triển kinh tế số thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025; phấn đấu đến năm 2025 tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Viện nghiên cứu phát triển KTXH Hà Nội, Cục Thống kê TPHN	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	2021-2025
197	Kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý II/2022
198	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý II/2022
199	Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số gắn với phát triển hệ thống du lịch thông minh thành phố Hà Nội	Sở Du lịch	Các sở: Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Xúc tiến ĐT-TM-DL; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Năm 2022
200	Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ số 3567/QĐ-UBND ngày 16/7/2021
201	Triển khai thực hiện các nội dung gia nhập mạng lưới "Các thành phố sáng tạo" theo tiêu chí, lộ trình đã cam kết với UNESCO	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Ngoại vụ; Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
202	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Y tế; UBND quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
203	Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và chuyển đổi số ngành giáo dục đào tạo Thủ đô giai đoạn 2021-2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Hà Nội; Các Sở, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
204	Kế hoạch thực hiện Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2021-2025"	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Hà Nội; Các Sở, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
205	Đề án giao thông thông minh	Sở Giao thông Vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học Công nghệ; các Sở, ngành liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Theo tiến độ Xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
206	Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn thành phố có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào.	Sở Giao thông Vận tải	Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở, ngành, quận liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
207	Xây dựng, hoàn chỉnh Kiến trúc Chính quyền điện tử thành phố Hà Nội	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ số 4097/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
208	Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (trong đó, xây dựng Chính quyền số là một trong ba trụ cột chính của Chương trình)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021
209	Kế hoạch phát triển hạ tầng Bưu chính - Viễn thông phục vụ Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 174/KH-UBND ngày 27/7/2021
210	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
211	Đề án xây dựng phần mềm hệ thống thông tin quy hoạch (tiếp tục thực hiện)	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
212	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu hợp nhất về quản lý quy hoạch - kiến trúc - xây dựng - phát triển đô thị trên toàn địa bàn thành phố Hà Nội	Viện Quy hoạch xây dựng	Các Sở, ban ngành và UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	2021-2025
213	Xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội trên nền tảng kỹ thuật công nghệ 4.0	Sở Văn hoá và Thể thao	Các sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
214	Đề án xây dựng thành phố thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	2021-2025
VII. LĨNH VỰC AN SINH XÃ HỘI					
215	Đề án Quản lý các cửa hàng kinh doanh an toàn thực phẩm trong chợ dân sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	UBND các quận, huyện, Thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền	Quý IV/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
216	Quyết định chuẩn nghèo thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021.
217	Tham mưu Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
218	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 20/KH-UBND ngày 21/01/2021
219	Kế hoạch về việc thực hiện các giải pháp, biện pháp thu hồi nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 194/KH-UBND ngày 26/8/2021
220	Kế hoạch tăng cường thực hiện các giải pháp phòng, chống hành vi lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 193/KH-UBND ngày 26/8/2021
221	Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu về số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2021-2025	Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 192/KH-UBND ngày 26/8/2021
222	Kế hoạch tiêm vắc xin ngừa COVID-19 cho trẻ em (phần đầu đạt miễn dịch cộng đồng trong đầu năm 2022)	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
223	Kế hoạch/Đề án đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã theo hướng đảm bảo tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
224	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2025	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
225	Kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số	Sở Y tế	UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	- Bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh: KH số 208/KH-UBND ngày 14/11/2016 - Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: KH số 93/KH-UBND ngày 19/4/2018 - KH duy trì mức sinh thay thế; KH mở rộng tầm soát, phát hiện sớm một số tật, bệnh bẩm sinh: Quý IV/2021
226	Kế hoạch thực hiện chương trình chiến lược Quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 139/KH-UBND ngày 03/6/2021
227	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các hoạt động, mô hình, đề án: Đề án tầm soát, phát hiện sớm một số tật, bệnh bẩm sinh thông qua sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Kế hoạch triển khai các hoạt động phát triển thể lực, tầm vóc người Hà Nội...	Sở Y tế	Sở Văn hóa - Thể thao; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	- KH số 421/KH-SYT ngày 11/01/2021, - KH số 74-KH/TU ngày 27/01/2018, - QĐ số 1769/QĐ-TTg ngày 22/11/2019, - KH số 419/KH-SYT ngày 11/01/2021, - KH số 457/KH-SYT ngày 11/01/2021, - KH số 423/KH-SYT ngày 11/01/2021
228	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
229	Kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu 90-90-90 trong phòng, chống HIV/AIDS	Sở Y tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 83/KH-UBND ngày 29/03/2021
230	Kế hoạch giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý I hàng năm
231	Đề án tiếp tục tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống sàn giao dịch việc làm thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ số 3362/QĐ-UBND ngày 13/7/2021
232	Kế hoạch nâng cao hiệu quả nguồn vốn vay giải quyết việc làm của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố; Sở Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 159/KH-UBND ngày 01/7/2021
233	Quyết định phê duyệt Phương án Cứu trợ và đảm bảo đời sống nhân dân thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	QĐ 435/QĐ-UBND ngày 04/6/2021
234	Tham mưu xây dựng và thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội của thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	NQ số 09/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND TP

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
235	Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu giường bệnh/vận dân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các sở: KH&ĐT, QH-KT, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, TN&MT; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình VHXH; UBND các Q,H,TX	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
236	Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho Ngành Y tế Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các Sở: Tài chính, Nội vụ, các trường Đại học, Cao đẳng Y, dược	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
237	Kế hoạch nâng cấp cải tạo, xây mới các trạm y tế duy trì tiêu chuẩn quốc gia y tế xã theo quy định của Bộ Y tế	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
238	Kế hoạch triển khai mô hình trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình	Sở Y tế	UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 143/KH-UBND ngày 25/6/2019
239	Kế hoạch khám, quản lý sức khỏe cho người dân thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
240	Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND Thành phố thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Hàng năm
241	Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng nâng cao mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2022
242	Thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 239/KH-UBND ngày 08/12/2020
243	Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia người cao tuổi đến năm 2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
244	Đề án vận động nguồn lực bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	Quý IV/2021
245	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 138/KH-UBND ngày 03/6/2021
246	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội đến năm 2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	KH số 141/KH-UBND ngày 07/6/2021
247	Thực hiện Nghị quyết số 03/2020/NQ ngày 07/07/2020 của HĐND Thành phố về chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hóa táng của thành phố Hà Nội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Chữ Xuân Dũng	NQ số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/07/2020 của HĐND TP
VIII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI					
248	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Năm 2022
249	Quy định về Quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	2022-2023
250	Kế hoạch hoàn thành các dự án phát triển nguồn tập trung và các dự án phát triển mạng cấp nước; đảm bảo an ninh nguồn nước, đảm bảo nhu cầu nước giai đoạn cao điểm và hoàn thành chỉ tiêu đề ra về tỷ lệ cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
251	Kế hoạch đầu tư xây dựng các hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải theo quy hoạch	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
252	Xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng theo công nghệ hiện đại, phân loại, nghiền, tái chế sản phẩm sau xử lý tại các cửa ngõ Thủ đô	Sở Xây dựng	Các sở: KH&ĐT, TN&MT, QHKT; UBND các địa phương liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
253	Nghiên cứu xây dựng phương án phân loại rác thải sinh hoạt phù hợp với công nghệ xử lý theo lộ trình phù hợp; áp dụng cơ giới hoá trong thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hoàn thành chỉ tiêu đề ra về tỷ lệ thu gom và vận chuyển rác thải	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
254	Kế hoạch triển khai lộ trình ngừng sử dụng các giếng khai thác nước ngầm	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã liên quan	PCT UBND TP Dương Đức Tuấn	Quý IV/2021
255	Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy trình giải phóng mặt bằng rút gọn theo Thông báo số 175/TB-VPCP ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
256	Phương án sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch Thành phố đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất thời kỳ đầu (giai đoạn 2020 - 2025)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
257	Kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất 5 năm 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	KH số 85/KH-UBND ngày 30/3/2021
258	Kế hoạch hàng năm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra thực hiện các quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Hàng năm (KH năm 2021 số 2358/KH-STNMT-CCQLĐĐ ngày 4/7/2021)
259	Đề án tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các khu, cụm công nghiệp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công thương; các huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	2021-2025
260	Hoàn thành xây dựng Danh mục và Kế hoạch thực hiện di dời ra khỏi nội đô các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; các Sở, ngành liên quan; UBND các quận	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
261	Hoàn thành công tác xây dựng hồ sơ địa chính tổng thể và cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn Thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
262	Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng đủ điều kiện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
263	Hoàn thiện, điều chỉnh phương án quy hoạch rừng trên địa bàn Thành phố làm cơ sở cấm mốc định ranh giới các loại rừng ngoài thực địa để quản lý rừng bền vững theo quy định (xác định các vùng sản xuất, hệ sinh thái và thực vật cần bảo vệ)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	2021-2023
264	Giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý đất đai; cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất chưa sử dụng, đất sử dụng trái mục đích trên địa bàn Thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan đơn vị có liên quan	PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông	Quý IV/2021
IX. LĨNH VỰC NỘI VỤ, NỘI CHÍNH, ĐỐI NGOẠI					
265	Đề án nâng cao năng lực tự chủ về tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Hà Minh Hải	Quý IV/2021
266	Thực hiện Kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS).	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	- KH số 143/KH-UBND ngày 11/6/2021; - KH số 179/KH-UBND ngày 04/8/2021
267	Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành; UBND các quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	KH số 136/KH-UBND ngày 01/6/2021
268	Tiếp tục triển khai các kế hoạch, nội dung theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội	Sở Nội vụ	Các quận; Sở, Ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
269	Lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Theo KH số 777/KH-BTP-UBNDTPHN ngày 19/3/2021 của Bộ Tư pháp và UBND thành phố Hà Nội
270	Kế hoạch thực hiện Chương trình "Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2021-2025"	Thanh tra thành phố Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
271	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Chính phủ về nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới	Công an Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
272	Đề án tổng thể về nâng cao năng lực và đảm bảo an toàn PCCC, CNCH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Công an Thành phố	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
273	Đề án xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ, sở chỉ huy các cấp và đầu tư ngân sách địa phương Thành phố từng bước hiện đại hóa lực lượng vũ trang Thủ đô trong tình hình mới	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
274	Kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ cấp Thành phố, một số sở, ban ngành của Thành phố; 30/30 quận, huyện, thị xã và 579 xã, phường, thị trấn	Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Các Sở, Ban, ngành; quận, huyện, Thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
275	Xây dựng Kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm của thành phố Hà Nội phù hợp với thực tiễn, định hướng việc khai thác những cơ hội, tranh thủ điều kiện thuận lợi của môi trường quốc tế để tiếp tục đẩy mạnh hội nhập và phát triển	Sở Ngoại vụ	Các Sở, Ban, ngành liên quan	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý I hàng năm
276	Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa của Thành phố Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Nội vụ, UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	2021-2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan tham mưu, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo chỉ đạo	Văn bản thực hiện/ Thời hạn ban hành văn bản
277	Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	2021-2025
278	Kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc tại Bảo tàng Hà Nội	Sở Văn hóa và Thể thao	Bảo tàng Hà Nội, Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam và các cơ quan liên quan	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	2021-2025
279	Đẩy mạnh công tác rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản, quy định pháp luật, các quy định liên quan đến cơ chế, chính sách để đảm bảo phù hợp trong công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Thanh tra Thành phố	Các sở ngành, quận, huyện, thị xã	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
280	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các cơ quan đơn vị có liên quan	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
281	Công tác kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ	Thanh tra Thành phố	Các cơ quan đơn vị có liên quan	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021
282	Rà soát, đôn đốc thực hiện các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có hiệu lực theo Hướng dẫn số 06-HD/BNCTW, ngày 16/4/2015 của Ban Nội chính Trung ương và các Quyết định, Kết luận có hiệu lực pháp luật nói chung trên địa bàn Thành phố	Thanh tra Thành phố	Sở Tài chính	PCT UBND TP Lê Hồng Sơn	Quý IV/2021